

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG HẢI DƯƠNG

GIÁO TRÌNH
MÔN HỌC/MÔ ĐUN: VĂN HÓA HỌC
NGÀNH/NGHỀ: SP GIÁO DỤC CÔNG DÂN
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-... ngàytháng....
năm.....
..... của

....., năm

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Giáo trình "Văn hóa học" thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

LỜI GIỚI THIỆU

Văn hóa học là một môn học trong chương trình đào tạo Cao đẳng. Môn học là một môn khoa học trang bị cho người học những tri thức cơ bản về đời sống văn hóa của con người và xã hội.

Văn hóa học được biên soạn dựa trên mục tiêu đào tạo và chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giáo trình được biên soạn bởi tập thể giảng viên Khoa GDLLCT Trường Cao đẳng Hải Dương.

Tập thể tác giả xin chân thành cảm ơn Ban Giám Hiệu - Trường Cao đẳng Hải Dương, Hội đồng khoa học đã có nhiều đóng góp quý báu cho việc hoàn thành tài liệu này!

Văn hóa học lần đầu được biên soạn nên chắc chắn còn có những hạn chế nhất định. Tập thể tác giả rất mong nhận được sự góp ý của đồng nghiệp và các em sinh viên để giáo trình hoàn chỉnh hơn trong lần tái bản. Mọi góp ý xin gửi về địa chỉ: *thaihang2107@gmail.com*.

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Văn hóa học

Mã môn học:

Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học

- **Vị trí:** Là môn học trong chương trình đào tạo Cao đẳng chuyên ngành Giáo dục công dân.

- **Tính chất:** Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản, khái quát, có hệ thống về đời sống văn hóa của con người, vai trò của nó trong đời sống xã hội, bản chất và cấu trúc của văn hóa, đặc trưng và chức năng của văn hóa, các quy luật phát triển của văn hóa, vấn đề bản sắc văn hóa và bản sắc văn hóa dân tộc, vấn đề văn hóa và phát triển, một số vấn đề về văn hóa Việt Nam...

- **Ý nghĩa và vai trò của môn học:** Nội dung môn học giúp định hướng cho sinh viên có nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của văn hóa trong sự phát triển xã hội.

Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học có khả năng thực hiện:

- Về kiến thức:

- + Văn hóa với tư cách là đối tượng nghiên cứu của Văn hóa học
- + Bản chất, đặc trưng, chức năng xã hội của văn hóa; các hình thức văn hóa; các quy luật phát triển của văn hóa; vấn đề "bản sắc văn hóa", "văn hóa truyền thống" và "văn hóa hiện đại", văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội.
- + Một số vấn đề văn hóa học Việt Nam và văn hóa Việt Nam; vấn đề văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

- Về kỹ năng:

- + Rèn luyện khả năng phân tích, đánh giá các vấn đề văn hóa Việt Nam
- + Có khả năng phát huy được vai trò của văn hóa trong sự phát triển kinh tế - xã hội

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Có nhận thức đúng đắn về văn hóa nói chung và văn hóa Việt Nam nói riêng, vận dụng được kiến thức vào trong nhận thức và hoạt động thực tiễn.

Nội dung môn học

Chương I

VĂN HÓA HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

I. Văn hóa học và đối tượng nghiên cứu của văn hóa học

1. Sơ lược quá trình hình thành, phát triển của văn hóa học

1.1. Tư tưởng về văn hóa có từ lâu đời và có quá trình hình thành phát triển nhưng chưa phải văn hóa học

- + Tư tưởng văn hóa phương Đông cổ đại: (Ấn Độ, Trung Hoa).
- + Tư tưởng văn hóa phương Tây qua các thời kỳ: Cổ đại, Trung đại, Phục hưng và Cận đại, quan niệm triết học tư sản hiện đại
- + Quan niệm triết học mácxít về văn hóa.

1.2. Văn hóa học với tư cách là một khoa học độc lập ra đời khoảng nửa sau của thế kỷ XIX (xuất phát từ yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn xã hội và sự phát triển của đời sống tinh thần xã hội).

1.3. Sự hình thành và phát triển của văn hóa học trên thế giới và ở Việt Nam.

2. Đối tượng nghiên cứu của văn hóa học

2.1. Đối tượng nghiên cứu của văn hóa học là:

- Nghiên cứu văn hóa với tư cách là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là động lực, vừa là mục tiêu của phát triển xã hội.
- Nghiên cứu văn hóa với tư cách là sự biểu hiện của phương thức tồn tại và phát triển của con người và xã hội ở mỗi quốc gia, dân tộc trong các thời kỳ lịch sử. (Thể hiện trong cách thức sinh sống, quan hệ với xã hội và tự nhiên) kiểu lựa chọn riêng của mỗi cộng đồng và cá nhân trong cộng đồng so với cộng đồng khác tạo thành nét khu biệt, yếu tố bản sắc; các hệ giá trị và sự bảo tồn, gìn giữ, phát triển lưu truyền qua các thời kỳ lịch sử tạo thành truyền thống văn hóa; mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại trong quá trình phát triển văn hóa...)

2.2. So sánh đối tượng nghiên cứu của văn hóa học với đối tượng của một số khoa học khác để thấy sự khác biệt:

- Khác với đối tượng nghiên cứu của triết học về văn hóa
- Khác với đối tượng nghiên cứu xã hội học văn hóa

- Khác với đối tượng nghiên cứu dân tộc học
- Khác với đối tượng khoa học lịch sử...

II. Phương pháp nghiên cứu của văn hóa học

Nghiên cứu văn hóa học có sự phối hợp sử dụng nhiều phương pháp. Có thể nêu một số phương pháp cơ bản:

1. Phương pháp liên ngành

- Vận dụng tri thức của nhiều môn khoa học khác nhau như: dân tộc học, khảo cổ học, ngôn ngữ học, sử học, xã hội học, triết học... để có thể làm rõ các vấn đề về đời sống văn hóa của con người và xã hội trong các quá trình lịch sử.
- Sử dụng các thuật ngữ, khái niệm, các khái quát lý luận (nguyên lý, quy luật, kết luận khoa học) của các khoa học khác trong những trường hợp cần thiết trong nghiên cứu văn hóa.
- Sử dụng các cứ liệu của các nhà khoa học làm cơ sở cho việc nghiên cứu văn hóa,...

2. Phương pháp hệ thống

- Nghiên cứu văn hóa từ cách tiếp cận hệ thống, đi từ chỉnh thể đến các thành tố cấu thành chỉnh thể đó và các mối quan hệ nội tại của chúng.
- Nghiên cứu văn hóa đi từ các bộ phận, các thành tố biểu hiện các mặt các lĩnh vực khác nhau của đời sống văn hóa đến nhận diện văn hóa trong cấu trúc chỉnh thể của chúng, từ đó có thể làm nổi bật bản sắc, diện mạo, thực trạng, qui luật tồn tại và phát triển, khuynh hướng của văn hóa.

3. Phương pháp mô hình

- Tìm những nét chung, từ đó xác định mô hình chung (với những đường nét cơ bản, tính chất, diện mạo chung của một nền văn hóa). Mô hình chung này cần được xác định từ cái nhìn lịch đại và đồng đại.
- Tìm cái "hằng số" (constance) cái lặp đi lặp lại qua quá trình lưu truyền, biến đổi, tạo thành những yếu tố ổn định tương đối trong một nền văn hóa, lấy đó làm cơ sở xem xét các vấn đề khác trong nghiên cứu văn hóa.

4. Phương pháp logic - lịch sử

- Nghiên cứu văn hóa trong tiến trình hình thành, phát triển với những qui luật nội tại của chúng.
- Nghiên cứu văn hóa gắn với lịch sử tư tưởng, lịch sử xã hội của mỗi dân tộc và nhân loại. Văn hóa với tư cách là sự phản ánh tiến trình lịch sử.

III. Vai trò của văn hóa học trong đời sống xã hội

Vai trò của văn hóa học được thể hiện gắn với chức năng của văn hóa học:

1. Chức năng nhận thức

- Đem lại cho con người những tri thức về các hiện tượng văn hóa, về bản chất, đặc trưng, chức năng và các qui luật phát triển của văn hóa, về mối quan hệ giữa văn hóa và toàn bộ đời sống của con người và xã hội nói chung.
- Giúp con người có được nhận thức khoa học, sâu sắc thêm về biện chứng của sự phát triển xã hội trong đó có vai trò của văn hóa với ý nghĩa là động lực thúc đẩy sự phát triển của xã hội, đồng thời là mục tiêu của phát triển xã hội.
- Cung cấp những hiểu biết về đời sống văn hóa xã hội, các yếu tố bản sắc văn hóa, truyền thống văn hóa, bản lĩnh, sức sống của một nền văn hóa qui định bản lĩnh, sức sống của một dân tộc. Từ đó, con người có nhận thức thái độ và hành động đúng.

2. Chức năng giáo dục

- Xây dựng cho con người các hệ chuẩn giá trị Chân - Thiện - Mỹ, từ đó định hướng cho con người trong nhận thức và hành động vươn tới các giá trị Chân - Thiện - Mỹ, vươn tới cái đúng, cái thật, cái tốt đẹp, tiên tiến trong cuộc sống cá nhân và xã hội.
- Góp phần định hướng giá trị cho nhân cách, giúp con người có được điểm tựa lý luận trong quá trình giáo dục và tự giáo dục, rèn luyện, phát triển nhân cách.
- Giúp cho con người có được nhận thức đúng, từ đó có tư tưởng, tình cảm, thái độ, hành động đúng trong việc bồi dưỡng nhân cách văn hóa cho bản thân và góp phần xây dựng đời sống văn hóa xã hội.

3. Chức năng thực tiễn

- Tạo cơ sở lý luận cho việc dự báo các vấn đề về văn hóa, xã hội từ đó góp phần quan trọng vào việc xây dựng các chủ trương, đề án, kế hoạch xây dựng, phát triển văn hóa, quản lý các quá trình văn hóa.

- Tạo cơ sở khoa học cho mọi hoạt động văn hóa ở mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.
- Tạo cơ sở khoa học cho việc hoạch định các chính sách phát triển xã hội xuất phát từ nhận thức về vai trò, chức năng và mối quan hệ biện chứng giữa văn hóa và phát triển xã hội.

Chương 2

BẢN CHẤT VÀ CẤU TRÚC CỦA VĂN HÓA

I. BẢN CHẤT CỦA VĂN HÓA

1. Quá trình xác định khái niệm văn hóa

1.1. Quá trình hình thành khái niệm văn hóa từ các nhà triết học, mỹ học

- Thời cổ đại: Các nhà triết học, mỹ học ở cả phương Đông và phương Tây đã có những quan niệm rất sớm về văn hóa.

+ Ấn Độ và Trung Hoa là hai trung tâm tư tưởng văn hóa lớn có ảnh hưởng sâu sắc tới các nền văn hóa của các quốc gia trong khu vực lân cận và trên thế giới. Trong quan niệm triết học, mỹ học Ấn Độ cổ đại, nội dung, ý nghĩa của khái niệm văn hóa nghiêng nhiều về các giá trị tôn giáo, tín ngưỡng và tâm lý. Còn trong tư tưởng triết học, mỹ học Trung Hoa cổ đại, văn hóa được quan niệm là tất cả những gì tốt đẹp do con người sáng tạo ra. (Trong ngôn ngữ cổ phương Đông "văn" có nghĩa là tốt đẹp, "hóa" là biến cải; "văn hóa" có nghĩa là làm cho trở thành tốt đẹp. Khổng Tử, người sáng lập Nhi giáo, cho rằng văn hóa gắn với các phạm trù đạo đức thể hiện cái đẹp của đạo đức, nhân cách con người như "nhân", "lễ", "chính danh". Tuân Tử (học trò của Khổng Tử) đã nêu một luận điểm thể hiện rõ quan niệm về văn hóa: "văn" là cái "ngụ" (tức là cái do con người tạo ra, không phải tự nhiên). Bản tính con người là "ác", thiện là do con người làm ra, "tính là tài chất còn nguyên, ngụ là văn hay lễ tốt. Không tính thì không có gì để làm thêm. Không làm thêm thì tính không thể tự thành tốt"... Nhìn chung, văn hóa được quan niệm là những cái tốt đẹp, là kết quả của sự

sáng tạo của con người, nó đối lập với tự nhiên, là sự khắc phục trạng thái nguyên thủy của tự nhiên.

+ Ở phương Tây cổ đại khái niệm văn hóa đã xuất hiện ngay từ khoảng thế kỷ III Tr.CN. Khái niệm này bắt nguồn từ chữ La tinh gốc "cultus" (có nghĩa là trồng trọt, vun xới). Về sau chữ này được mở rộng ra một nghĩa khác: "cultus anime - trồng trọt tinh thần". Từ chữ gốc Latinh này mà có từ "culture" trong tiếng Anh, Pháp (có nghĩa là văn hóa).

Nhà hùng biện bậc nhất của La Mã cổ đại, Cicero marcus Tullius (106 - 43 TCN), từng làm quan nhiếp chính La mã, nhà văn, đã nêu ra định nghĩa: "Văn hóa là sự gieo trồng tinh thần".

- Ý nghĩa của thuật ngữ này được mở rộng thêm mãi ở những thế kỷ sau:

+ Francis Bacon (1561 - 1626), nhà triết học duy vật Anh quan niệm văn hóa là sự gieo trồng tinh thần, là sự nảy nở tri thức, là sự tiến bộ (the culture of the mind).

+ Thomas Hobbs (1588 - 1679) cũng quan niệm văn hóa là sự giáo dục, truyền đạt tri thức, là "sự gieo trồng tinh thần", gắn với sự sáng tạo các giá trị pháp luật, đạo đức, tôn giáo..., xóa bỏ "trạng thái tự nhiên" thuộc về bản năng của con người, là kết quả con người chế ngự bản năng.

+ Khái niệm văn hóa được xác định ở cấp độ khái quát, trừu tượng cao hơn trong quan niệm của các nhà triết học phương Tây thế kỷ 18.

Pufendorf, nhà nghiên cứu pháp luật người Đức đã nhận thức được thực chất, ý nghĩa của văn hóa là gắn với "bản chất người". "Văn hóa là toàn bộ những gì do con người tạo ra". Bản chất của văn hóa "là cái đối lập với tự nhiên".

Đặc biệt, trong triết học Khai sáng các triết gia nổi tiếng như Voltaire (1694-1778), Herder (1774 - 1803) đã có những ý tưởng rất mới, rất tiến bộ, thể hiện rõ quan điểm nhân văn trong việc xây dựng các nguyên lý về văn hóa. Theo các ông, bản chất của văn hóa là luôn hướng tới tư tưởng nhân đạo. Herder nói: "Người, trên dòng chảy lịch sử của mình, xuất phát từ tự nhiên, tiến bước trên con đường tự do của văn hóa".

- Trong triết học cổ điển Đức (cuối thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19) đã xuất hiện những tư tưởng rất mới đánh dấu một bước tiến dài trong quan niệm về văn hóa. Nếu như từ thế kỷ Khai sáng (thế kỷ 18) trở về trước, các nhà tư tưởng chỉ mới đề cập được khái niệm văn hóa gắn với sự thể hiện bản chất của con người, thì đến giai đoạn này, văn hóa đã được xem xét trong mối quan hệ biện chứng với con người. Văn hóa

là sự thể hiện khát vọng của con người tiến tới tự do, là sản phẩm của những hoạt động thực tiễn tinh thần của con người đồng thời là nhân tố tạo dựng nhân cách con người cá nhân.

- Trong triết học, mỹ học mác xít, khái niệm văn hóa được xác định trong mối quan hệ biện chứng của nó với con người và xã hội. Văn hóa là tổng hòa các giá trị mà con người, xã hội đã sáng tạo ra trong suốt chiều dài lịch sử bằng các hoạt động vật chất và tinh thần của mình. Văn hóa là sự thể hiện những năng lực bản chất của con người, là sự kết tinh các giá trị tinh thần của con người, là kết quả của các hoạt động sáng tạo, tự do của con người trong quá trình không ngừng nhận thức, khám phá, biến đổi tự nhiên.

1.2. Sự phát triển khái niệm văn hóa trong quan niệm của các nhà nghiên cứu văn hóa học

- Từ nửa sau của thế kỷ XIX, đặc biệt là sau khi cuốn "Khoa học chung về văn hóa" của Klemm (người Đức) ra đời, các nhà nghiên cứu văn hóa đều nhất trí thừa nhận văn hóa học với tư cách là một khoa học độc lập.

Cùng thời với Klemm, nhà nhân chủng học nổi tiếng người Anh Edward Burnett Tylor (1832 - 1877) đã xuất bản cuốn "văn hóa nguyên thủy" - trong đó có cả một chương bàn về đối tượng nghiên cứu của khoa học về văn hóa. E.Tylor được giới khoa học Anh - Mỹ suy tôn là người đã sáng lập môn văn hóa học. Theo E.Tylor, "văn hóa hay văn minh, hiểu theo nghĩa rộng về dân tộc của nó, là toàn bộ phức thể bao gồm kiến thức, niềm tin, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, phong tục và cùng những khả năng, những tập quán mà con người có được với tư cách là thành viên của xã hội".

Đến giữa những năm 60 của thế kỷ 19, nhà nghiên cứu văn hóa học người Pháp Abraham Moles đưa ra quan niệm: "Văn hóa - đó là chiều cạnh trí tuệ của môi trường nhân tạo, do con người xây dựng nên trong tiến trình đời sống xã hội của mình".

Sang thế kỷ XX, đặc biệt là từ những năm giữa của thế kỷ XX trở lại đây thì việc nghiên cứu văn hóa trở nên đặc biệt sôi động xuất phát từ đòi hỏi khác quan của xã hội và thời đại. Đã xuất hiện rất nhiều cách hiểu xuất phát từ các góc độ tiếp cận khác nhau trong việc xác định khái niệm văn hóa. Tựu chung lại, có thể nêu lên một số hướng tiếp cận văn hóa tiêu biểu như sau"

+ Hướng tiếp cận xã hội học: Hướng này phát triển rất mạnh ở Pháp và một số nước phương Tây, cho rằng: "Văn hóa là cách ứng xử mà các thành viên, xã hội đã học được" (F. Merille), hay "văn hóa là toàn thể những cấu trúc xã hội, tôn giáo... những biểu thị trí tuệ, nghệ thuật... đặc định một xã hội" (Petit Larousse),... Theo hướng này văn hóa được hiểu là tất cả những cách thức, khuôn mẫu ứng xử, thể chế xã hội, giá trị tinh thần... biểu thị những phẩm chất xã hội trong con người và biểu thị diện mạo, tính chất của một xã hội nhất định.

+ Hướng tiếp cận tâm lý học: Cho rằng văn hóa gắn với đời sống tinh thần của con người, được tạo thành từ những hoạt động sáng tạo của con người do sự thúc đẩy của những nhu cầu tâm lý nảy sinh từ mối quan hệ của con người với thiên nhiên và với xã hội.

Ví dụ: Ở phương Tây, khí hậu, thời tiết lạnh làm nảy sinh nhu cầu tâm lý thích sự ấm áp. Nhu cầu đó đã thúc đẩy hoạt động của con người sáng tạo ra các công trình kiến trúc nhà cửa kiểu khép kín có hệ thống lò sưởi, thông khí, điều hòa nhiệt độ... Những công trình kiến trúc đó là những sáng tạo văn hóa.

Hay ở Việt Nam, từ điều kiện môi trường thiên nhiên và đặc điểm xã hội luôn phải vật lộn với thiên tai và chống giặc ngoại xâm đã hình thành tâm lý về sự cố kết cộng đồng và ý thức về độc lập dân tộc và quốc gia có chủ quyền. Những hành động của con người xuất phát từ nhu cầu tâm lý ấy đã làm hình thành nên truyền thống nhân ái, truyền thống yêu nước của người Việt Nam. Đó cũng chính là nét bản sắc ưu trội trong văn hóa Việt Nam.

+ Hướng tiếp cận từ góc độ của lý thuyết thông tin và giá trị học: Coi "văn hóa là toàn bộ thông tin (không kể di truyền sinh vật) và cả những biện pháp nhằm tổ chức và bảo vệ thông tin" (như quan điểm của Eu. Loxman hay "văn hóa là toàn bộ các giá trị vật chất và xã hội" (như quan điểm của Tô-mat-sơ).

Ví dụ: Theo lý thuyết thông tin, các tri thức khoa học tự nhiên - thông tin về những thuộc tính, bản chất của các sự vật, hiện tượng tự nhiên; các tri thức khoa học xã hội - thông tin về đời sống xã hội, lịch sử; các di tích khảo cổ học - thông tin về những nền văn minh xa xưa; các phong tục, tập quán, nếp sống, lối sống và các sinh hoạt cộng đồng... - thông tin về những đặc điểm của đời sống vật chất, tinh thần, trình độ phát triển, kết cấu của một tổ chức xã hội, một kiểu xã hội; các nghi lễ tôn giáo - thông tin về đời sống tâm linh, tín ngưỡng,... Tất cả những "thông tin" đó tạo thành văn hóa.

Hay theo quan điểm giá trị học, văn hóa được tạo thành từ tổng hòa các giá trị vật chất và tinh thần mà con người và xã hội sáng tạo ra.

Ví dụ: Tổng hòa các giá trị đạo đức, thẩm mỹ, khoa học, triết học, nghệ thuật, tôn giáo... tạo thành văn hóa.

+ Hướng tiếp cận mỹ học và nghệ thuật học:

Văn hóa được hiểu đồng nhất với thế giới các biểu tượng. Con người sống với hai thế giới: thế giới biểu tượng và thế giới thực tại. Thế giới thực tại thì cụ thể hữu hình, thuộc hiện thực vật chất khách quan, còn thế giới biểu tượng thì vô hình, vô hạn, phong phú, đa dạng, sinh động với nhiều tầng bậc ý nghĩa gắn với đặc điểm sáng tạo của lĩnh vực tư duy, ý thức con người.

Ví dụ: Hệ thống kí hiệu ngôn ngữ, những hình ảnh biểu trưng như quốc kỳ, quốc huy; cánh chim bồ câu, nhánh ô liu biểu tượng của hòa bình, vòng nguyệt quế biểu tượng của niềm vinh quang và chiến thắng, một bông hồng hay hình ảnh trái tim biểu tượng của tình yêu, đóa hoa sen tượng trưng cho khí tiết thanh tao trong sạch của con người... và cả thế giới của các hình tượng nghệ thuật, các biểu tượng tôn giáo... Tất cả đều thuộc về văn hóa, tạo thành văn hóa.

+ Hướng tiếp cận sử học: Cho văn hóa là tất cả những gì con người đã đạt được, con người sáng tạo ra trong suốt chiều dài lịch sử. Văn hóa là sự tái hiện lại tất cả những diễn biến của lịch sử, là những điểm mốc đánh dấu từng giai đoạn trong tiến trình lịch sử đã đi qua.

Nhận xét chung: Dù có xuất phát từ nhiều cách tiếp cận ở nhiều góc độ tiếp cận khác nhau dẫn đến cách hiểu về khái niệm văn hóa khác nhau, thì tựu chung lại các quan niệm về văn hóa đều có điểm chung: Văn hóa gắn với con người và xã hội. Văn hóa là tất cả những gì do con người và xã hội sáng tạo ra, biểu thị cuộc sống của con người cả về phương diện đời sống vật chất và đời sống tinh thần.

Khái niệm văn hóa được xác định ở hai cấp độ ý nghĩa:

+ Theo nghĩa rộng: Văn hóa - tổng thể các giá trị, sáng tạo của con người và xã hội trong tất cả các lĩnh vực của cuộc sống được tích lũy, bảo tồn, phát triển trong suốt chiều dài lịch sử.

+ Theo nghĩa hẹp: Văn hóa - toàn bộ đời sống tinh thần xã hội

2. Bản chất của văn hóa

2.1. Bản chất xã hội của văn hóa

Văn hóa là sự phản ánh phương thức tồn tại của con người và xã hội. Văn hóa hình thành trong đời sống hiện thực, tồn tại trong tất cả các lĩnh vực hoạt động và quan hệ xã hội của con người.

- + Văn hóa phản ánh đời sống kinh tế, phương thức sinh hoạt vật chất của xã hội.

- + Văn hóa phản ánh đời sống tinh thần của con người và xã hội.

Văn hóa thể hiện một cách đa dạng, phong phú và với tất cả chiều sâu của thế giới tinh thần con người. Văn hóa thể hiện trí tuệ, cảm xúc, niềm tin, lý tưởng, những quan điểm, quan niệm, đặc điểm nhận thức của con người và xã hội. Văn hóa thể hiện mọi khía cạnh của đời sống tinh thần xã hội như đạo đức, thẩm mỹ, nghệ thuật, tôn giáo, khoa học, pháp luật...

Sự phát triển của đời sống tinh thần xã hội như thế nào sẽ được phản ánh trong văn hóa như thế ấy.

Sự phát triển của văn hóa trong xã hội hiện đại với tốc độ phát triển như vũ bão của khoa học, kỹ thuật, công nghệ phản ánh sự phát triển vượt bậc của trình độ tư duy, nhận thức của con người trong thời đại ngày nay.

- Văn hóa là tổng hòa các giá trị mà con người và xã hội đã tạo ra qua các quá trình lịch sử.

Trải qua quá trình lịch sử lâu dài, con người không ngừng tìm hiểu, khám phá, nhận thức, hoạt động thực tiễn để duy trì sự tồn tại, phát triển của mình và qua quá trình tổ chức đời sống xã hội của mình, con người, loài người đã không ngừng sáng tạo ra các giá trị: tri thức khoa học (toán học, vật lý học, hóa học, sinh học... các khoa học xã hội nhân văn); những tư tưởng triết học, những sáng tạo nghệ thuật với các công trình kiến trúc, điêu khắc, hội họa, các tác phẩm văn học, thi ca..., các giá trị đạo đức, pháp luật, các giá trị của lễ sống, lối sống, niềm tin, lý tưởng, tâm hồn tình cảm, thế giới tâm linh, các thành tựu trong tổ chức đời sống xã hội thể hiện trong phong tục, tập quán, nghi lễ, các giá trị truyền thống, các thể chế, giáo dục đào tạo, tổ chức đời sống nông thôn, đô thị... Tổng hòa các giá trị đó tạo thành văn hóa và nó phản ánh toàn bộ nhịp sống của một cơ thể xã hội.

- Văn hóa là sự phản ánh sinh động sự vận động, biến đổi, phát triển của xã hội đều được thể hiện qua những biến đổi văn hóa. Mỗi giai đoạn phát triển của văn hóa đều phản ánh một nấc thang nào đó trong tiến trình lịch sử.

Lịch sử các nền văn minh từ văn minh nông nghiệp sang văn minh công nghiệp và hậu công nghiệp cũng chính là lịch sử sự biến đổi của xã hội loài người trải qua các hình thái kinh tế - xã hội kế tiếp nhau: từ cộng sản nguyên thủy sang chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa (trong tương lai).

- Văn hóa có tính dân tộc, giai cấp, thời đại

Đây cũng là sự biểu hiện một cách sinh động và rõ nét bản chất xã hội của văn hóa.

2.2. Bản chất nhân văn của văn hóa

- Văn hóa là sự biểu hiện của phương thức tồn tại người, là sự bộc lộ những "năng lực bản chất người" trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của cá nhân và xã hội.

Nói đến văn hóa là nói đến con người. Văn hóa gắn với sự thể hiện, phát huy, giải phóng những tiềm năng sáng tạo của con người trong tất cả các lĩnh vực của cuộc sống, trong mọi quan hệ xã hội và ở mọi khía cạnh của đời sống tinh thần đa dạng, phong phú của con người. Có thể nói một cách bao quát: Tất cả những gì có quan hệ với con người, biểu thị cách thức tồn tại của con người thì đều mang ý nghĩa văn hóa. Văn hóa có mặt trong mọi lĩnh vực của cuộc sống xã hội và cá nhân như kinh tế, chính trị, các quan hệ giai cấp, ứng xử, đạo đức, lối sống các sinh hoạt vật chất và tinh thần...

- Văn hóa là sự hội tụ, kết tinh những giá trị nhân văn (Chân - Thiện - Mỹ là hệ giá trị cốt lõi của văn hóa).

Thế giới các giá trị được kết tinh trong "thiên nhiên thứ hai" (trong các công cụ sản xuất, kỹ thuật và công nghệ của nền sản xuất xã hội, trong các công trình kiến trúc, điêu khắc, hội họa... trong các tác phẩm văn hóa nghệ thuật, trong thế giới các vật thể mà con người sáng tạo ra phục vụ cuộc sống vật chất và tiêu dùng và phục vụ những nhu cầu tinh thần, trong những thể chế xã hội...) tất cả đều là những sáng tạo văn hóa của con người. Chúng tồn tại với tư cách là những hoạt động "mang tính tộc loại" của con người. Đây là phương diện hết sức cơ bản và quan trọng quy định đặc điểm về nội dung và quy luật phát triển có tính đặc thù của văn hóa. Đó là đặc điểm về sự bảo tồn, tích lũy, duy trì các giá trị, về sự phát triển trên cơ sở kế thừa.... Nói tới giá trị là nói tới mối liên hệ không thể chia cắt được của văn hóa đối với con người. Trong mối quan hệ này con người vừa là chủ thể sáng tạo ra thế giới văn hóa, vừa là khách thể - sản phẩm của môi trường văn hóa, lại vừa là đại biểu mang giá trị văn hóa do chính mình tạo ra. Cho nên xét về mặt chức năng, khái niệm "văn hóa" và "giá trị

gần như trùng hợp. Có thể nói rằng, "giá trị" đó là thực chất của văn hóa. Về bản chất văn hóa chính là tổng hòa các giá trị mà con người sáng tạo ra và cả những phương thức tạo ra các giá trị mà con người có được trong suốt quá trình hoạt động thực tiễn lịch sử - xã hội của mình. Đây là bản chất nhân văn của văn hóa.

Quá trình con người phấn đấu không mệt mỏi để không ngừng vươn tới thế giới của cái đúng, cái thiện, cái đẹp, chính là quá trình tạo ra các giá trị văn hóa, tạo nên lịch sử văn hóa. Chân - Thiện - Mỹ là những giá trị tinh thần tiêu biểu nhất của văn hóa, nói lên bản chất nhân văn của văn hóa.

- Văn hóa được xác định là tất cả các giá trị mang lại lợi ích, sự tốt đẹp, hạnh phúc, tiến bộ cho con người. Những gì xa lạ, đối lập với bản chất người, làm mai một, tha hóa nhân cách con người thì không phải văn hóa (là phản văn hóa).

Từ bản chất xã hội và bản chất nhân văn của văn hóa, có thể kết luận về bản chất của văn hóa như sau:

Văn hóa là sự biểu hiện của phương thức tồn tại người và là sự phản ánh tổng thể các hệ thống giá trị do con người sáng tạo ra trong tất cả các lĩnh vực của cuộc sống, được tích lũy, duy trì và bảo tồn trong suốt chiều dài lịch sử đã quy định nên bản sắc riêng của mỗi dân tộc.

Quan niệm của tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa của Liên hợp quốc UNESCO:

"Văn hóa phản ánh và thể hiện một cách tổng quát và sống động mọi mặt của cuộc sống (của mỗi cá nhân và các cộng đồng) đã diễn ra trong quá khứ cũng như đang diễn ra trong hiện tại, qua hàng bao thế kỷ nó đã cấu thành nên một hệ thống các giá trị, truyền thống, thẩm mỹ và lối sống mà dựa theo đó từng dân tộc tự khẳng định bản sắc riêng của mình".

UNESCO cũng khẳng định: Văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực và là hệ điều tiết của sự phát triển xã hội.

Định nghĩa của tổ chức UNESCO cũng đã khẳng định bản chất xã hội, nhân văn của văn hóa, đồng thời cũng nhấn mạnh tính lịch sử - xã hội, tính dân tộc của văn hóa.

Quan niệm của Hồ Chí Minh:

"Hồ Chí Minh đề cập bản chất của văn hóa theo nghĩa rộng: "Vì lẽ sinh tồn cũng như về mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những

công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về ăn, mặc, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó là văn hóa. Văn hóa là tổng hòa của mọi phương thức sinh hoạt cùng với những biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn"¹.

Người còn đề cập bản chất văn hóa ở cấp độ ý nghĩa hẹp hơn, cụ thể hơn, coi “văn hóa là một kiến trúc, thượng tầng” của xã hội, văn hóa là đời sống tinh thần của xã hội, là một lĩnh vực quan trọng trong đời sống xã hội, có mối quan hệ mật thiết với các lĩnh vực khác như chính trị, kinh tế, xã hội...

Định nghĩa văn hóa của Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh bản chất xã hội, nhân văn của văn hóa, đồng thời cũng chỉ rõ vai trò, chức năng xã hội của văn hóa.

II. CẤU TRÚC CỦA VĂN HÓA

Văn hóa là một chỉnh thể phức tạp, thống nhất, gồm đa dạng các thành tố. Tùy theo việc phân chia theo những tiêu chí khác nhau mà có sự nhận diện về cấu trúc của văn hóa theo các cách khác nhau.

1. Theo hình thái giá trị

Cấu trúc của văn hóa bao gồm văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần hay văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể (theo cách gọi của UNESCO).

- Văn hóa vật chất (văn hóa vật thể): là những giá trị văn hóa tồn tại dưới hình thức vật thể như đình, chùa, lăng tẩm, những công trình kiến trúc, những tác phẩm điêu khắc hội họa, làng nghề truyền thống, các khu bảo tồn bảo tàng, di tích, danh thắng... kể cả những thành tựu của nền sản xuất vật chất.

- Văn hóa tinh thần (hay văn hóa phi vật thể) là những giá trị văn hóa tồn tại dưới dạng tinh thần như khoa học, truyền thống, nghệ thuật, đạo đức, tôn giáo, ý chí, niềm tin, lý tưởng, lối sống, phong tục tập quán, tâm linh, tín ngưỡng...

Trên thực tế, sự phân biệt giữa văn hóa vật chất và tinh thần chỉ có ý nghĩa tương đối vì mối quan hệ thống nhất của chúng.

Văn hóa vật chất kết tinh ở trong nó những giá trị tinh thần, là sự “vật thể hóa” các giá trị văn hóa tinh thần.

Còn văn hóa tinh thần thì không phải luôn tồn tại dưới dạng tinh thần mà thường được vật thể hóa dưới dạng tồn tại vật chất. Ví dụ, một tác phẩm văn học (tiểu thuyết, thi ca) phải được in thành sách. Một tác phẩm hội họa phải nhờ chất liệu vật chất như

¹ Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 431

thuốc, nước, bột màu, sơn dầu để trở thành một bức vẽ. Một ý tưởng sáng tạo trong kiến trúc phải được thiết kế gửi gắm trong những công trình v.v... Đó là chưa kể có những hiện tượng văn hóa không thuộc văn hóa vật thể nhưng vẫn tồn tại khách quan, ví dụ như lệ làng, hương ước, nghi lễ, văn hóa giao tiếp, ứng xử, ngôn ngữ, chữ viết...

Tuy nhiên việc phân chia nói trên là cần thiết cho sự nghiên cứu, tìm hiểu về văn hóa.

2. *Theo các lĩnh vực của đời sống xã hội* (Các lĩnh vực hoạt động và quan hệ xã hội)

- Văn hóa trong hoạt động kinh tế

Sự hiện diện của văn hóa trong hoạt động kinh tế được thể hiện ở cách thức hoạt động kinh tế và nhất là ở mục tiêu của hoạt động kinh tế.

Văn hóa trong hoạt động kinh tế thể hiện ở mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh, trao đổi, phân phối, tiêu dùng. Cách thức của hoạt động kinh tế là phát huy được năng lực, tài năng, sự sáng tạo của con người, đảm bảo sự công bằng, bình đẳng giữa người và người, đảm bảo quyền lợi và đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của con người. Mục tiêu của hoạt động kinh tế là vì cuộc sống no ấm, hạnh phúc của con người. Hoạt động kinh tế không chỉ nhằm thỏa mãn nhu cầu con người trong hiện tại mà còn tạo điều kiện cho sự tồn tại và phát triển của các thế hệ trong tương lai.

Điều đó có nghĩa văn hóa trong hoạt động kinh tế luôn gắn bó mật thiết với triết lý phát triển bền vững, nhân văn.

Văn hóa trong hoạt động chính trị (văn hóa chính trị) thể hiện trên cả ba phương diện:

- + Quan điểm và đường lối chính trị
- + Công nghệ chính trị
- + Nhân cách của nhà hoạt động chính trị

Cả ba phương diện này đều là sự thể hiện văn hóa của một giai cấp, một lực lượng xã hội, một tổ chức hay một cá nhân.

Văn hóa trong quan điểm, đường lối chính trị thể hiện ở chỗ nó hướng đường lối chính trị đó đến mục tiêu vì con người, vì quần chúng nhân dân, vì tự do hòa bình, bình đẳng, hạnh phúc và tiến bộ xã hội.

Văn hóa trong công nghệ chính trị: thể hiện ở những tổ chức thiết chế và những hoạt động nhằm triển khai các quan điểm và đường lối chính trị. Văn hóa quy định động lực, mục tiêu của các tổ chức thiết chế và của các hoạt động đó.

- Văn hóa đạo đức:

- + Thể hiện trong nội dung các nguyên tắc chuẩn mực đạo đức nhằm điều chỉnh, chuẩn hóa những hành vi của con người.

- + Thể hiện trong các phạm trù đạo đức như thiện, ác, lương tâm, danh dự, trách nhiệm, nghĩa vụ, bổn phận...

- + Biểu hiện cao nhất của văn hóa đạo đức là sự phù hợp hài hòa giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội.

- Văn hóa lối sống:

- + Biểu hiện trong toàn bộ hoạt động sống của các dân tộc, các giai cấp, các nhóm xã hội, các cá nhân trong một điều kiện kinh tế - xã hội nhất định trên các lĩnh vực của đời sống: trong lao động và hưởng thụ, trong quan hệ giữa người và người, trong sinh hoạt vật chất, trong sinh hoạt văn hóa tinh thần...

- + Văn hóa lối sống cũng được biểu hiện cụ thể qua nếp sống và lễ sống.

- + Văn hóa lối sống là biểu hiện sinh động của thực trạng văn hóa của xã hội.

- + Văn hóa lối sống còn góp phần tạo nên truyền thống văn hóa của một dân tộc.

3. Theo các mối quan hệ cá nhân – xã hội và hình thức tổ chức đời sống cá nhân và cộng đồng

- Văn hóa gia đình

- Văn hóa nông thôn

- Văn hóa đô thị

- Văn hóa làng xã, vùng miền

- Văn hóa giao tiếp, ứng xử văn hóa nếp sống, lối sống, tín ngưỡng, tâm linh, ẩm thực, tình dục.

- Văn hóa nhân cách v.v...

4. Theo tiến trình lịch sử và quan hệ dân tộc thời đại

- Văn hóa truyền thống

- Văn hóa hiện đại

- Văn hóa dân tộc

- Văn hóa thế giới

Nhìn chung, việc xác định cấu trúc văn hóa là rất khó khăn vì văn hóa luôn tồn tại như một chỉnh thể đa dạng, phức tạp, sống động, các thành tố cấu thành chỉnh thể đó không tách rời nhau mà quan hệ mật thiết với nhau, luôn có sự thâm nhập, đan xen, chi phối lẫn nhau. Việc phân chia chỉ là tương đối tùy mục đích, yêu cầu của việc nghiên cứu.

Chương 3

ĐẶC TRƯNG VÀ CHỨC NĂNG CỦA VĂN HÓA

I. Đặc trưng của văn hóa

1. Tính hệ thống:

Sự tồn tại và phát triển của văn hóa bao giờ cũng bộc lộ tính hệ thống trong quá trình phát hiện ra mối liên hệ hữu cơ giữa các hiện tượng văn hóa, mối quan hệ giao lưu giữa các nền văn hóa. Nhờ tính hệ thống văn hóa tạo nên các giá trị về văn hóa vật chất và tinh thần, văn hóa xã hội của một cộng đồng người, hình thành truyền thống văn hóa của dân tộc.

2. Tính giá trị:

Văn hóa chứa đựng cái đẹp mang tính giá trị trở thành chuẩn mực cho lối sống đạo đức, văn hóa, tập quán phong tục mang tính truyền thống của cộng đồng. Những thang giá trị của văn hóa là thước đo mức độ, phạm vi nhân bản của cộng đồng xã hội và cá nhân con người. tính giá trị giúp ta phân biệt văn hóa với phi văn hóa.

Muốn xác định được giá trị của văn hóa cần dựa vào bộ công cụ là hệ tọa độ 3 chiều mà trong đó văn hóa tồn tại: *Con người* - Chủ thể văn hóa; *Môi trường tự nhiên và xã hội* – Không gian văn hóa; *Quá trình hoạt động* - Thời gian văn hóa. Việc cụ thể hóa 3 thông số này giúp ta định vị được giá trị của những nền văn hóa, vùng văn hóa và những biến thể văn hóa khác nhau. Trong hệ tọa độ gốc thì một sản phẩm văn hóa do con người tạo ra chắc chắn là giá trị; nhưng khi chuyển dịch một trong ba thông số của hệ tọa độ (C-K-T) thì sản phẩm văn hóa đó có khả năng trở thành phi giá trị. Do vậy muốn xác định giá trị của một hiện tượng văn hóa phải xem xét trong hệ tọa độ C-K-T.

Vd: Tục ăn trầu là nét đẹp văn hóa đối với người Việt Nam cổ xưa nhưng lại là phi giá trị đối với người Châu Âu.

c. Tính nhân văn:

Văn hóa là hiện tượng xã hội gắn liền với hoạt động thực tiễn của con người, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ giá trị vật chất và tinh thần của con người, do con người sáng tạo ra nên tự thân nó đã hàm chứa tính nhân sinh. Đặc trưng này giúp ta nhận biết giá trị của một hiện tượng xã hội với các hiện tượng của tự nhiên.

Ví dụ: nét đẹp trong văn hóa giao tiếp

d. Tính lịch sử

Văn hóa được hình thành trong quá trình lịch sử và được tích lũy qua nhiều thế hệ. Bản thân những nét giá trị văn hóa cũng không nhất thành bất biến mà luôn có sự thay đổi bổ sung phát triển theo tiến trình lịch sử.

Vd: Tiến trình văn hóa Việt Nam

4 đặc trưng văn hóa là cơ sở để xác định các chức năng văn hóa

Đặc trưng VH	Chức năng VH
Tính hệ thống	Tổ chức xã hội
Tính giá trị	Điều chỉnh xã hội
Tính nhân văn	Giao tiếp
Tính lịch sử	Giáo dục

II. Chức năng của văn hóa

a) Chức năng tổ chức xã hội:

Đặc trưng của văn hóa mang tính hệ thống, tất cả các biểu hiện của văn hóa đều có quan hệ mật thiết hữu cơ với nhau (VD: Triết lý âm dương ngũ hành trong văn hóa phương Đông ảnh hưởng trong lối sống, giao tiếp, ăn mặc của người Á Đông). Tính hệ thống tạo cho văn hóa có khả năng tổ chức xã hội. Tổ chức xã hội là một hệ thống bao gồm những quy luật giá trị chuẩn mực do con người sáng tạo ra. Văn hóa bao trùm mọi hoạt động trong đời sống xã hội, con người, nó tạo nên một cấu trúc xã hội ổn định bền vững. Mọi biến động của văn hóa là tác nhân dẫn đến nguy cơ tan vỡ xã hội.

Vd: Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội là nguyên tắc trong giao tiếp sinh hoạt mang tính bền vững ổn định trong đời sống cộng đồng người Việt.

b) Chức năng điều chỉnh xã hội:

Giá trị văn hóa là những giá trị mang tính chuẩn mực, làm thước đo giá trị nhân bản của con người. Phạm trù các giá trị văn hóa khá rộng bao hàm nhiều phương diện như:

- Nội dung: Giá trị văn hóa vật chất, tinh thần
- Ý nghĩa: Giá trị chân thực – Đạo đức – Thẩm mỹ
- Thời gian; Giá trị nhất thời, vĩnh cửu
- Lịch sử; Giá trị đồng đại, lịch đại

Đặc trưng giá trị văn hóa tạo nên chức năng điều chỉnh xã hội. Văn hóa là những chuẩn mực do con người sáng tạo ra và từ đó nó trở thành những tiêu chí để con người điều chỉnh, cân bằng, hoàn thiện lối sống. Văn hóa giúp cho con người hiểu mình và điều chỉnh mình đúng chuẩn mực, giúp cho xã hội duy trì trạng thái cân bằng động; văn hóa là động lực phát triển của xã hội và con người. Jean Paul Imhof quan niệm: *“Văn hóa có thể giúp cho thanh niên ý thức được tình trạng của họ và quan trọng hơn là giúp họ cải tạo được tình trạng của mình”*

Chính vì thế việc giáo dục ý thức bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc cũng chính là thực hiện chức năng tổ chức và điều chỉnh xã hội của văn hóa.

c) Chức năng giao tiếp:

Văn hóa luôn gắn liền với hoạt động thực tiễn của con người, luôn đồng hành cùng đời sống của con người nên mang chức năng giao tiếp. Trong đời sống cộng đồng, con người luôn quan hệ ứng xử giao tiếp với nhau bằng những giá trị chuẩn mực của văn hóa hình thành những nét đẹp trong văn hóa giao tiếp. Nếu ngôn ngữ là công cụ để giao tiếp thì văn hóa là nội dung giao tiếp; văn hóa định hướng cách thức và mục đích giao tiếp của con người.

Vd: Một trong những nguyên tắc hội thoại là thiết lập các vai xã hội. Văn hóa góp phần định hướng con người sử dụng vai xã hội trong hội thoại cho phù hợp với cách thức và mục đích giao tiếp (chọn lựa từ ngữ, giọng điệu, cử chỉ khi giao tiếp).

d) Chức năng giáo dục:

Văn hóa là thành tựu của nhân loại gắn liền với lịch sử tích lũy qua nhiều thế hệ, tính lịch sử của văn hóa được duy trì bằng truyền thống văn hóa. Truyền thống văn hóa là những giá trị tương đối ổn định luôn được tích lũy và bồi đắp qua không gian thời gian trở thành những vẻ đẹp vĩnh cửu dưới dạng ngôn ngữ, phong tục tập quán, nghi lễ, giao tiếp ứng xử...

Truyền thống văn hóa trường tồn nhờ giáo dục. Giáo dục là chức năng cơ bản bao trùm của văn hóa; vì có chức năng giáo dục nên văn hóa đóng vai trò quyết định trong việc tổ chức điều chỉnh xã hội, hoàn thiện nhân cách con người.

Vd: Con người nhận thức và ứng xử theo những nét đẹp trong giao tiếp, sinh hoạt chính là sự vận hành chức năng giáo dục của văn hóa. Nét đẹp văn hóa làng xã Việt Nam giáo dục ý thức cộng đồng, tinh thần tự hào yêu mến quê hương xứ sở.

* Tất cả những chức năng trên đều góp phần hướng đến mục tiêu cuối cùng là ***bảo đảm sự phát triển bền vững của xã hội***.

Chương 4

CÁC QUY LUẬT PHÁT TRIỂN CỦA VĂN HÓA

I. Sự phát triển của văn hóa chịu sự quy định của điều kiện kinh tế - xã hội

1. Sự quy định của kinh tế đối với văn hóa

- Cơ sở kinh tế - xã hội tạo tiền đề khách quan cho sự phát triển văn hóa và quy định nội dung, bản chất của một nền văn hóa.

Một nền văn hóa bao giờ cũng được hình thành trên cơ sở kinh tế và chịu sự quy định của cơ sở kinh tế. Tách rời khỏi cơ sở kinh tế - xã hội ấy thì sẽ không thể hiểu được nội dung, bản chất, đặc điểm, xu hướng vận động và biến đổi của một nền văn hóa

Khi cơ sở kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa hình thành và phát triển chuyển sang giai đoạn bộc lộ những mâu thuẫn gay gắt trong lòng nó, bản chất bóc lột và đối kháng về lợi ích trong các hoạt động kinh tế - xã hội được thể hiện ra một cách điển hình thì cũng làm nảy sinh nền văn hóa tư bản chủ nghĩa với những bế tắc, sự xung đột về ý thức hệ gay gắt không thể tránh khỏi

Tính chất tiến bộ, hợp quy luật của cơ sở kinh tế xã hội chủ nghĩa sẽ tạo điều kiện cho sự ra đời một nền văn hóa tiên tiến, nhân văn.

- Cơ sở kinh tế - xã hội quy định tính chất, diện mạo của văn hóa.

Ví dụ: Việt Nam là một nước nông nghiệp lâu đời (chủ yếu là nông nghiệp lúa nước). Cơ sở kinh tế đó đã tạo nên mô hình văn hóa Việt Nam là văn hóa làng xã. Từ cách thức tổ chức đời sống cộng đồng, các nghi lễ, phong tục tập quán, các hoạt động sinh hoạt văn hóa đều thể hiện rõ đặc điểm của một xã hội nông nghiệp. Trong

con mắt của các nhà nghiên cứu văn hóa phương Tây, Việt Nam rất trội về văn minh xóm làng, rất ít về văn minh đô thị.

- Văn hóa chịu sự quy định của cơ sở kinh tế, nhưng không phải chịu sự quy định một chiều, văn hóa có tính độc lập tương đối so với cơ sở kinh tế.

C. Mác đã khẳng định phương thức sản xuất vật chất quyết định phương thức sản xuất tinh thần, nhưng đồng thời Mác cũng chỉ ra rằng, cơ sở kinh tế không tác động trực tiếp, tức khắc đến văn hóa một cách giản đơn, không phải cứ kinh tế phát triển thì văn hóa cũng phát triển và ngược lại. Trong lịch sử có những thời kỳ kinh tế còn ở trình độ thấp nhưng văn hóa lại có những bước phát triển cao.

Ví dụ: Hy Lạp, La Mã cổ đại hay nước Đức cuối thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19 kinh tế nghèo nàn, chậm phát triển, lạc hậu hơn so với thời đại nhưng lại có cả một nền văn hóa phát triển với những thành tựu rực rỡ. Có thời kỳ kinh tế phát triển ở trình độ cao nhưng văn hóa lại có những khủng hoảng, suy thoái (ví dụ như xã hội phương Tây hiện đại).

Do vậy, quy luật tác động của cơ sở kinh tế tới sự hình thành, phát triển của văn hóa cũng bao hàm cả quy luật về sự phát triển không đồng đều của văn hóa so với cơ sở kinh tế. Nắm vững được mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở kinh tế với văn hóa, tính độc lập tương đối của văn hóa trong sự tác động trở lại cơ sở kinh tế sẽ có được giải pháp thích hợp cho phát triển văn hóa.

- Kinh tế quyết định văn hóa không chỉ ở chỗ nó tạo cơ sở vật chất – kỹ thuật cho các hoạt động văn hóa mà quan trọng hơn là nó tạo cơ sở vật chất khách quan cho sự hình thành, phát triển đời sống tinh thần xã hội, tạo lập các quan hệ xã hội hiện thực cho sự nảy sinh các tư tưởng, quan niệm đạo đức, thẩm mỹ, lối sống, cho các hoạt động sản xuất giá trị tinh thần, quy định mục tiêu, xu hướng phát triển của văn hóa.

Một xã hội có nền kinh tế phát triển cao, nhưng quan hệ sản xuất xã hội không tiến bộ, nhân văn thì sẽ không tạo được cơ sở cho sự phát triển một nền văn hóa lành mạnh, tốt đẹp. Chỉ một nền kinh tế được vận hành theo nguyên tắc đảm bảo công bằng, dân chủ, bình đẳng, mang lại lợi ích cho đông đảo quần chúng lao động, phấn đấu vì mục tiêu cao nhất là vì con người thì mới thực sự tạo cơ sở khách quan cho việc xây dựng một nền văn hóa tiến bộ. Vì thế, yếu tố quyết định nhiều nhất của cơ sở kinh tế tới văn hóa chính là tính chất của nền kinh tế đó.

Chính từ điều này mà có thể lý giải được vì sao ở các nước tư bản chủ nghĩa kinh tế phát triển cao nhưng không thể xây dựng được một nền văn hóa tiên tiến giàu

tính nhân bản. C. Mác đã nhận định: “Chủ nghĩa tư bản thù địch với các hoạt động sản xuất tinh thần”, mà nguyên nhân sâu xa là do tính phản nhân văn trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.

2. Ảnh hưởng của chính trị tới văn hóa

- Mọi quan hệ giữa chính trị với văn hóa cũng là sự biểu hiện của quan hệ giữa cơ sở kinh tế với văn hóa, vì chính trị là phản ánh của cơ sở kinh tế. Cơ sở kinh tế nào thì chế độ chính trị ấy.

Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị”². Chính trị quy định phương hướng phát triển của văn hóa, quy định nội dung ý thức hệ của văn hóa và thông qua các chính sách, pháp luật mà thực hiện quản lý các hoạt động văn hóa.

Một chế độ chính trị phản nhân văn không thể là cơ sở cho một nền văn hóa tiên bộ. Tuy nhiên, cũng do tính độc lập tương đối của văn hóa, của lĩnh vực tinh thần ý thức con người và xã hội mà trong bối cảnh chính trị lỗi thời, phản động vẫn có thể có sự xuất hiện những thành tựu văn hóa, nghệ thuật tiên bộ.

Văn hóa, nghệ thuật (văn hóa nói chung) sẽ không có lịch sử nếu đứng một mình tách rời bối cảnh chính trị phản ánh cơ sở kinh tế của một xã hội nhất định. Tuy nhiên, văn hóa có tính độc lập tương đối, chịu sự quy định của cơ sở kinh tế nhưng có tác động tích cực to lớn trở lại đối với cơ sở kinh tế đã sản sinh ra nó.

II. Quy luật kế thừa trong phát triển văn hóa

1. Kế thừa, đổi mới – quy luật tất yếu của phát triển văn hóa

** Khái niệm kế thừa*

Theo quan điểm duy vật biện chứng, kế thừa là một trong những mặt bản chất nhất của quy luật phủ định của phủ định – một quy luật khách quan phổ biến chi phối sự vận động, phát triển của mọi sự vật, hiện tượng, quá trình trong tự nhiên, xã hội và tư duy. Kế thừa nói lên mối liên hệ tất yếu khách quan giữa cái cũ và cái mới trong quá trình phát triển.

** Kế thừa – một quy luật phát triển của văn hóa*

Văn hóa trong bất kỳ xã hội nào, thời đại nào cũng được hình thành, phát triển trên cơ sở kế thừa và phát huy tất cả những giá trị, thành tựu được lưu giữ qua tất cả các thời kỳ lịch sử. Văn hóa là kết quả của quá trình bảo tồn, lưu giữ những di sản

² Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 368-369

quá khứ và sáng tạo ra những giá trị văn hóa mới. Kế thừa trong văn hóa là kế thừa có chọn lọc, phê phán, phát huy và phát triển những giá trị văn hóa trong di sản văn hóa quá khứ.

* Khái niệm di sản

+ Nghĩa chung: Là tất cả những gì con người làm ra thuộc về ngày hôm qua. Mọi cái được tạo nên trong hiện tại thì trong tương lai sẽ là di sản.

+ Nghĩa cụ thể: Di sản văn hóa là tổng hòa những mối liên hệ, quan hệ và những kết quả của sản xuất vật chất và sản xuất tinh thần của các thời kỳ lịch sử quá khứ.

Di sản văn hóa là những giá trị văn hóa mà nhân loại đã đạt được trong những thời kỳ đã qua và được lưu giữ, hấp thụ một cách có phê phán, được phát triển và được ứng dụng cho phù hợp với những yêu cầu của thực tiễn – xã hội và đời sống tinh thần của thời đại mới, phù hợp với những tiêu chuẩn khách quan của tiến bộ xã hội.

Kế thừa di sản văn hóa quá khứ là hiện tượng phổ biến, tất yếu đối với mọi nền văn hóa, ở mọi quốc gia, dân tộc và ở mọi thời đại.

Ví dụ: Nền văn hóa Phục hưng là sự kế thừa và phát triển một cách rực rỡ những thành tựu của văn hóa Hy Lạp cổ đại. Ăngghen nói: Không có cơ sở nền văn hóa Hy Lạp và La Mã cổ đại thì không thể có châu Âu hiện đại được.

Sự ra đời của chủ nghĩa Mác cũng là sự kế thừa, phát huy một cách xuất sắc những thành tựu, giá trị tư tưởng văn hóa của nhân loại trong các thời đại trước. Lênin nói: Chủ nghĩa Mác sở dĩ giành được ý nghĩa lịch sử toàn thế giới và trở thành ý thức hệ tư tưởng của giai cấp tiên tiến nhất của thời đại là vì chủ nghĩa Mác không những không vứt bỏ những thành tựu hết sức quý báu của thời đại tư sản, mà trái lại còn tiếp thu và cải tạo tất cả những gì quý báu trong hơn 2000 năm phát triển của tư tưởng và văn hóa nhân loại.

Nền văn hóa Việt Nam hiện đại cũng là sự kế thừa tất cả những thành tựu, giá trị văn hóa được hun đúc trong suốt 4000 năm lịch sử.

2. Cách thức của sự kế thừa trong văn hóa

Cách thức kế thừa trong quá trình phát triển văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần không giống nhau

3. Kế thừa trong văn hóa luôn đi liền với sáng tạo và đổi mới

Sự kế thừa và sáng tạo đã đảm bảo cho văn hóa luôn diễn ra như một quá trình, khi nhanh, khi chậm, khi đạt những thành tựu rực rỡ mang tính đột biến, khi thì phát triển một cách từ từ, tiệm tiến nhưng luôn trong sự vận động, biến đổi không ngừng, tạo nên dòng chảy tinh thần của con người và xã hội qua các thời đại

III. Quy luật tiếp xúc – giao lưu trong phát triển văn hóa

1. Thực chất của sự tiếp xúc và giao lưu văn hóa

- Khái niệm tiếp xúc và giao lưu văn hóa

Tiếp xúc, giao lưu văn hóa được hiểu như là quá trình trao đổi giữa các nền văn hóa với nhau. Mỗi nền văn hóa dân tộc sẽ bị suy thoái nếu không có quá trình trao đổi này. Giao lưu văn hóa là động lực thúc đẩy sự phát triển, tiến bộ của các nền văn hóa

2. Tiếp xúc, giao lưu văn hóa là một quy luật khách quan, phổ biến trong sự phát triển của các nền văn hóa

Chương 5

VẤN ĐỀ BẢN SẮC VĂN HÓA VÀ BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC

I. VẤN ĐỀ BẢN SẮC VĂN HÓA VÀ BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC

1. Thực chất của vấn đề bản sắc văn hóa và bản sắc văn hóa dân tộc

- Khái niệm “Bản sắc văn hóa”: Bản sắc văn hóa là sắc thái gốc, là đặc trưng riêng không thể trộn lẫn từ trong cội nguồn văn hóa của mỗi dân tộc, được định hình dần trong quá trình phát triển lịch sử lâu dài của dân tộc. Bản sắc văn hóa là những yếu tố, đặc điểm tạo nên tính chất, diện mạo riêng, độc đáo của mỗi nền văn hóa.

- Khái niệm “Bản sắc văn hóa dân tộc”: Bản sắc văn hóa dân tộc là một khái niệm bao quát một cách uyển chuyển, linh hoạt những đặc điểm tạo nên diện mạo, sắc thái văn hóa riêng của một dân tộc, làm cho nền văn hóa của dân tộc này khác với nền văn hóa của dân tộc khác.

Chú ý: - Nói tới bản sắc văn hóa dân tộc là nói tới những “yếu tố trội” trong các hệ tượng văn hóa. (Đó là cái mà dân tộc này “trội” hơn, nổi bật hơn so với dân tộc khác, chứ không có nghĩa là chỉ có dân tộc này có mà dân tộc khác không có.

-Nói tới bản sắc là nói tới tính “hằng số” (tính lặp lại) ở nơi này, nơi khác, thế hệ này, thế hệ khác...

-Những yếu tố quy định bản sắc dân tộc của một nền văn hóa:

+ Cơ sở kinh tế - xã hội với những biểu hiện cụ thể trong cách thức tiến hành lao động sản xuất, cách thức tổ chức hoạt động sản xuất, đặc điểm của mối quan hệ giữa con người với con người trong quá trình sản xuất, đặc điểm của hoạt động lao động, sinh hoạt vật chất xã hội.

+ Đặc điểm của điều kiện tự nhiên, hoàn cảnh địa lý và mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên.

+ Đặc điểm của môi trường xã hội bao gồm các yếu tố như cách thức tổ chức xã hội của cộng đồng, đặc điểm tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, lối sống, tâm thức...

+ Hoàn cảnh lịch sử: Quá trình hình thành và phát triển lâu dài của một dân tộc.

+ Đặc điểm của tư duy: Cách nghĩ của con người trong các cộng đồng trước những tác động của ngoại cảnh (môi trường tự nhiên và xã hội).

+ Những yếu tố nội sinh kết hợp với sự tác động, ảnh hưởng và tiếp thu các yếu tố ngoại sinh, những thành tựu, giá trị văn hóa bên ngoài.

2. Những lĩnh vực biểu hiện của bản sắc dân tộc trong văn hóa

- Bản sắc dân tộc của văn hóa kết tinh ở truyền thống văn hóa và được thể hiện trong lối sống, trong phong tục tập quán, trong các hoạt động sản xuất vật chất và tinh thần của cộng đồng.

- Bản sắc dân tộc của văn hóa biểu hiện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống văn hóa, trong cách cảm cách nghĩ, trong nếp tư duy, trong nếp sống, lối sống và phong cách sống, trong phương thức ứng xử với tự nhiên và trong các quan hệ cá

nhận – cộng đồng, trong thị hiếu và lý tưởng thẩm mỹ, trong cách dựng nước và giữ nước, trong sáng tạo và hưởng thụ các giá trị văn hóa tinh thần...

- Bản sắc dân tộc hiện diện trong các giá trị văn hóa vật chất và tinh thần, trong các hình thức tồn tại của văn hóa vật thể và phi vật thể. Bản sắc dân tộc thể hiện cả ở trong nội dung và cả ở hình thức biểu đạt của các giá trị văn hóa đó.

3. Ý nghĩa của yếu tố bản sắc trong một nền văn hóa

- Bản sắc văn hóa dân tộc, không ra đời một cách ngẫu nhiên mà nó được hình thành, khẳng định và phát triển như là sản phẩm của hoàn cảnh kinh tế, địa lý, quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước, quá trình hoạt động sáng tạo thực tiễn và tinh thần, sự chất lọc, lưu giữ, kế thừa, phát triển những giá trị, thành tựu qua nhiều thế hệ... Bản sắc văn hóa dân tộc luôn là tổng hòa các giá trị, yếu tố vừa có tính đa dạng, phong phú vừa lâu dài, bền vững tạo nên tính quy định của một nền văn hóa của một dân tộc. Chính bởi thế nó tạo nên sức sống nội tại của dân tộc, giúp cho dân tộc trong suốt quá trình tồn tại và phát triển luôn giữ được tính thống nhất, nhất quán của bản thân mình, luôn khẳng định được sự tồn tại độc lập của mình trong quan hệ với các dân tộc khác, với các nền văn hóa.

- Bản sắc văn hóa dân tộc tạo nên diện mạo, bản lĩnh, sức sống của một nền văn hóa.

- Bản sắc văn hóa biểu hiện trong rất nhiều lĩnh vực của đời sống văn hóa, trong các hoạt động, sinh hoạt văn hóa, kể cả trong những sinh hoạt thường ngày. Nhưng yếu tố quan trọng nhất trong bản sắc văn hóa là những giá trị cơ bản cốt lõi trong đời sống tinh thần của một dân tộc. Những giá trị này mang tính chất bền vững, thiêng liêng, được vun đắp qua nhiều thế hệ, tạo nên sức sống bất diệt của một nền văn hóa của một dân tộc

- Bản sắc văn hóa dân tộc còn tạo tâm thế cho một nền văn hóa của một dân tộc có thể tiếp xúc, giao lưu, đối ngoại bình đẳng với bất kỳ nền văn hóa nào của một dân tộc khác.

II. NHẬN DIỆN YẾU TỐ BẢN SẮC DÂN TỘC TRONG VĂN HÓA VIỆT NAM

1. Một nền văn hóa thể hiện đậm nét tinh thần độc lập tự cường và truyền thống yêu nước, bất khuất chống ngoại xâm

Đây là nét bản sắc được tạo thành từ những thành tựu, giá trị mà dân tộc ta đã giành được trải qua quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước. Nét bản sắc này đã tạo nên sức sống bất diệt của nền văn hóa Việt Nam, thành truyền thống văn hiến Việt Nam.

Nét bản sắc được tô đậm bằng những trang sử oanh liệt, hào hùng của dân tộc trong các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm và là niềm tự hào thiêng liêng nhất của người Việt Nam.

2. Một nền văn hóa thể hiện truyền thống nhân ái và tinh thần nhân đạo, chủ nghĩa xuyên suốt quá trình hình thành và phát triển

Người Việt Nam có truyền thống đoàn kết, yêu thương đùm bọc tương trợ lẫn nhau, “lá lành đùm lá rách”, “thương người như thể thương chân”...

Truyền thống đó được hình thành một cách tự nhiên từ hoàn cảnh, đặc điểm lịch sử luôn phải cố kết sức mạnh cộng đồng để vật lộn với thiên tai và chống ngoại xâm trong suốt quá trình tồn tại và phát triển. Truyền thống nhân ái và tinh thần nhân đạo chủ nghĩa là nét đặc trưng nổi bật trong đời sống tinh thần của người Việt nam. Chúng chi phối các cảm, cách nghĩ, hành động, ứng xử, lối sống, triết lý sống của mỗi con người Việt Nam từ xưa đến nay.

3. Một nền văn hóa luôn lấy sự khoan dung và hòa đồng làm cơ sở để xem xét những hiện tượng tự nhiên, xã hội, con người và đề ra các giải pháp sáng tạo văn hóa

+ Khoan dung hòa đồng trong vũ trụ quan thiên – địa – nhân.

+ Khoan dung hòa đồng trong thế giới quan tâm - vật thể hiện qua sự tiếp biến với nhiều hệ thống tư tưởng khác nhau từng tồn tại lâu dài trong đời sống dân tộc (Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo, Thiên chúa giáo, tín ngưỡng cổ truyền, tư duy khoa học hiện đại...).

+ Khoan dung hòa đồng trong phong cách và phương pháp sáng tạo.

+ Khoan dung, hòa đồng trong các thể chế, trong quan hệ, ứng xử giữa người với người, giữa các thể hệ.

+ Khoan dung hòa đồng giữa các dân tộc cùng chung sống trong lòng đất nước, trong các mối quan hệ dân tộc và quốc tế.

+ Trong thời đại ngày nay tinh thần khoan dung trong văn hóa Việt Nam còn bổ sung thêm nội dung mới và phát triển lên trình độ mới đó là thái độ tôn trọng sự khác biệt giữa các quốc gia dân tộc và tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa của nhân loại.

Tinh thần khoan dung thời đại mới đang mở ra rất nhiều chiều cạnh của mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội, giữa con người với tự nhiên và gắn liền với triết lý phát triển bền vững trong thời đại ngày nay.

4. Một nền văn hóa giàu tính nhân dân, tính cộng đồng

Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa được tạo thành từ sáng tạo của quần chúng nhân dân trong suốt quá trình lịch sử của dân tộc, biểu hiện sự tồn tại và phát triển của dân tộc.

Trong kho tàng văn hóa Việt Nam thì bộ phận chiếm vị trí quan trọng nhất, có tác động, ảnh hưởng sâu rộng và lâu bền nhất tới tất cả các phương diện hoạt động sinh hoạt vật chất và tinh thần của cộng đồng dân tộc là bộ phận văn hóa dân gian. Bộ phận văn hóa này bao gồm các giá trị, thành tựu do quần chúng nhân dân sáng tạo ra, được hình thành từ chính cuộc sống của nhân dân, thể hiện đậm nét tâm hồn, đạo lý, phương thức tư duy, hành động, ứng xử của người Việt Nam qua nhiều thế hệ.

Các giá trị cốt lõi trong văn hóa Việt Nam như truyền thống yêu nước, truyền thống nhân ái, ý thức tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, khoan dung, trọng nghĩa

khí, đạo lý, cần cù, sáng tạo... là những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt nam được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước. Các giá trị đó đều là sản phẩm sáng tạo của cộng đồng, đều mang đậm tính cộng đồng.

Từ xưa đến nay, trong lịch sử phát triển lâu dài của văn hóa dân tộc và của dân tộc, chỉ những sáng tạo nào gần gũi, phù hợp với cách cảm, cách nghĩ, cách sống của nhân dân, phù hợp với phương thức tồn tại của cộng đồng, phát huy giá trị đối với đời sống cộng đồng thì mới được ghi nhận, tôn trọng, ngợi ca và mới có thể xác định được vị trí xứng đáng của mình trong kho tàng văn hóa của dân tộc.

Nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc mà sự nghiệp cách mạng Việt Nam đang hướng tới xây dựng cũng chính là sự nghiệp to lớn của toàn Đảng, toàn dân, của sự đoàn kết và thống nhất cộng đồng.

5. Một nền văn hóa “mở” trong không gian, trong thời gian và biến đổi theo quá trình lịch sử - xã hội

Một trong những nét bản sắc của văn hóa Việt Nam là tính chất “mở”. Trong suốt tiến trình lịch sử, văn hóa xưa Việt nam không kỳ thị, đóng kín trước các thành tựu văn hóa của các nền văn hóa khác mà luôn có sự tiếp xúc, giao lưu với những tinh hoa văn hóa bên ngoài.

Cụ thể: Trong lịch sử phát triển văn hóa dân tộc, văn hóa Việt Nam đã có những cuộc tiếp xúc lớn với văn hóa Ấn Độ và Trung Hoa, với văn hóa phương Tây và với tư tưởng văn hóa XHCN (mà nền tảng tư tưởng đó là chủ nghĩa Mác – Lenin) Ba cuộc tiếp xúc lớn là ba lần tạo ra sự thay đổi mang tính bước ngoặt về tính chất, mô hình văn hóa.

Hiện nay, Việt nam cũng đang đứng trước một “cuộc đối thoại” văn hóa lớn. Điều này đang mở ra những cơ hội và cả thách thức cho văn hóa Việt Nam.

III. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG TA VỀ XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM TIÊN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ: xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội do nhân dân lao động làm chủ, có nền kinh tế phát triển trên cơ sở lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu, có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, con người được giải phóng khỏi áo bức bóc lột, có điều kiện phát triển toàn diện và hài hòa về nhân cách

Chương 6

VẤN ĐỀ VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN

I. Khái niệm “văn hóa”

1. Khái niệm “văn hóa”

- Theo nghĩa rộng: Văn hóa là biểu hiện của phương thức tồn tại người và là tổng thể các giá trị vật chất và tinh thần mà con người và xã hội đã sáng tạo ra qua các thời kỳ lịch sử mà theo đó mỗi dân tộc khẳng định bản sắc riêng của mình.
- Theo nghĩa hẹp: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội

2. Khái niệm “phát triển”

+ Theo nghĩa chung nhất được khái quát trong triết học, “phát triển” là một phạm trù dùng để chỉ quá trình vận động tiến lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn. Phát triển cần được hiểu với ý nghĩa là sự vận động theo khuynh hướng đi lên, đưa sự vật tới một trình độ cao hơn, dẫn tới sự ra đời của cái mới (tiến bộ hơn, ưu việt hơn) so với cái cũ. Sự phát triển diễn ra không ngừng cả trong tự nhiên, xã hội và tư duy.

+ Trong mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển. Khái niệm “phát triển” được hiểu hoàn toàn trong phạm vi ý nghĩa là phát triển xã hội.

- Cho đến nay trên thế giới đã tồn tại nhiều quan điểm khác nhau về phát triển

+ Quan điểm đồng nhất phát triển với tăng trưởng kinh tế, cho rằng nội dung cơ bản của phát triển chính là tăng trưởng kinh tế. Sự phát triển (tăng trưởng) được xác định bởi sự gia tăng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tính theo đầu người; ở hiệu năng của hệ thống sản xuất xã hội (thể hiện ở năng suất lao động xã hội, sức sản xuất và đầu tư...), ở mức độ đáp ứng, thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của nhân dân, trong đó đặc biệt nhấn mạnh nhu cầu tiêu thụ vật chất, tiêu thụ các sản phẩm cao cấp của bộ phận dân cư có thu nhập cao trong xã hội.

+ Quan điểm tuyệt đối hóa các giá trị văn hóa tinh thần trong quá trình phát triển

Đây là quan điểm từng tồn tại khá phổ biến ở các nước phương Đông qua nhiều thế kỷ mà Trung Quốc là một ví dụ điển hình. Trung Quốc trong cả một thời kỳ lịch sử dài đã không chú trọng phát triển khoa học kỹ thuật, không quan tâm nhiều đến những cải biến mang tính cách mạng trong lực lượng sản xuất mà tự bằng lòng với những thành tựu rực rỡ trong di sản văn hóa quá khứ. Chính sách “bế quan tỏa cảng”,

đóng cửa với những tiến bộ trong nền văn minh kỹ thuật của các nước phương Tây đã làm cho Trung Quốc trì trệ, chậm phát triển về kinh tế trong một thời gian khá dài.

+ Quan điểm phát triển dựa trên sự kết hợp tính hợp lý khoa học với nền tảng tinh thần cộng đồng và đầu óc thực tiễn.

Quan điểm này khắc phục được những hạn chế của các quan điểm cực đoan tuyệt đối hóa một mặt kinh tế hoặc văn hóa trong quá trình phát triển.

- Quan điểm mới về phát triển được thế giới chấp nhận một cách phổ biến nhất hiện nay

Một chính thể bền vững là một chính thể cân đối, hài hòa. Mọi sự phát triển chỉ thiên về một mặt kinh tế hoặc văn hóa đều là lệch lạc, phiến diện. Hậu quả về mặt xã hội của việc chỉ chú trọng sự tăng trưởng kinh tế, sùng bái công nghệ hiện đại, không coi trọng phát triển đời sống văn hóa tinh thần ở một số nước hiện nay đã chứng minh sai lầm của con người trong lựa chọn mô hình phát triển. Từ việc phân tích, rút kinh nghiệm qua những bài học lệch lạc đó và từ mô hình hợp lý về phát triển của một số nước hiện nay, với cái nhìn biện chứng, nhiều học giả trên thế giới đã cùng nhất trí thừa nhận phát triển phải được diễn ra toàn diện ở tất cả các mặt của đời sống xã hội: kinh tế, chính trị, văn hóa.

II. MỐI QUAN HỆ GIỮA VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN

1. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội (văn hóa là cơ sở tinh thần cho phát triển xã hội)

Đời sống xã hội có hai mặt: vật chất và tinh thần. Nền kinh tế là nền tảng vật chất của đời sống xã hội thì văn hóa là nền tảng tinh thần của đời sống xã hội. Nói văn hóa là nói tới một tổng thể rộng lớn bao gồm các hệ thống giá trị được cộng đồng dân tộc và nhân loại sáng tạo, duy trì, bảo tồn và phát triển qua quá trình lịch sử lâu dài, là nói tới tri thức khoa học, đạo đức, lý tưởng, niềm tin, truyền thống, thị hiếu, các quy tắc xã hội và toàn bộ sự đa dạng, phong phú của lĩnh vực tinh thần của con người và xã hội.

Với tư cách là nền tảng tinh thần của xã hội, văn hóa là động lực, là mục tiêu của phát triển xã hội.

2. Văn hóa là động lực và mục tiêu của phát triển xã hội

- Văn hóa được nhìn nhận như một động lực tức là nhân tố nội tại quyết định toàn bộ sự phát triển xã hội từ vật chất đến tinh thần, từ kinh tế đến tri thức, đạo

đức và tính chất công bằng, dân chủ, văn minh của xã hội. Có thể nói không có văn hóa thì không có phát triển, càng không thể có phát triển bền vững. Các thành tố văn hóa đều góp phần thúc đẩy sự phát triển, đều góp khả năng tác động đặc thù của mình vào động lực chung của phát triển.

+ Nói tới vai trò động lực của văn hóa là nói tới vai trò nguồn lực nội sinh của văn hóa thúc đẩy sự phát triển. Nguồn lực nội sinh đó được tạo thành sức mạnh tổng hợp của nhiều yếu tố: tri thức khoa học, tiến bộ kỹ thuật, các giá trị đạo đức tinh thần truyền thống và hiện đại... tất cả được hội tụ lại trong con người, biểu hiện tiềm tàng năng lực sáng tạo của con người trên tất cả các phương diện.

- Văn hóa là mục tiêu của phát triển

+ Một xã hội phát triển cuối cùng sẽ dẫn đến một xã hội có văn hóa cao – khát vọng và lý tưởng của nhân loại từ xưa đến nay. Sự tăng lên không ngừng của nhu cầu con người là một trong những vấn đề mang tính quy luật trong quá trình phát triển xã hội.

+ Mục tiêu văn hóa trong phát triển được xã hội định ở những nội dung cơ bản sau:

- Tính chất nhân văn trong kinh tế
- Sự hài hòa giữa lợi ích cá nhân và xã hội
- Sự hài hòa giữa con người với tự nhiên
- Sự phát triển hài hòa, toàn diện nhân cách con người

III. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG TA VỀ VẤN ĐỀ VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN

- Vấn đề mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển là trung tâm điểm của triết lý phát triển bền vững trong thời đại ngày nay. Ở nhiều nước và nhiều châu lục đã có những hội nghị quốc tế lớn thảo luận về vấn đề này nhằm đi tới nhất quán một quan điểm, lý luận định hướng chung cho sự phát triển ở mỗi nước.

- Thống nhất với quan điểm của UNESCO, để làm rõ cơ sở lý luận của vấn đề này, Việt Nam đã tổ chức các cuộc hội thảo quốc tế tại Hà Nội thảo luận các vấn đề:

- 1- Văn hóa và phát triển ở Việt Nam hiện nay (6/1991).
- 2- Phương pháp luận về vai trò của văn hóa trong phát triển (11/1992)
- 3- Phát triển văn hóa xã hội trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế của châu Á (11/1994).

Quan điểm của Đảng ta thể hiện rất rõ sự nhận thức sâu sắc về vấn đề mối quan hệ biện chứng giữa văn hóa và phát triển

Chương 7

PHƯƠNG ĐÔNG VÀ PHƯƠNG TÂY TƯƠNG ĐỒNG VÀ KHÁC BIỆT

I. SỰ TƯƠNG ĐỒNG GIỮA HAI NỀN VĂN HÓA PHƯƠNG ĐÔNG VÀ PHƯƠNG TÂY

1. Tương đồng về bản chất xã hội

Văn hóa là sản phẩm của xã hội, lịch sử. Bất kỳ nền văn hóa nào, dù là Đông phương hay Tây phương đều có chung bản chất xã hội. Tất cả những nền văn hóa đó đều là sự phản ánh phương thức tồn tại và phát triển của con người và xã hội, đều bắt nguồn từ đời sống hiện thực và tồn tại trong tất cả các lĩnh vực của đời sống vật chất và tinh thần của con người và xã hội qua các thời kỳ lịch sử.

Các nền văn hóa dù là có sự khác nhau rất lớn về sắc thái, diện mạo thì xét về thực chất vẫn là một dòng chảy tinh thần của dân tộc và nhân loại xuyên thấm qua các thời kỳ lịch sử và qua các thời đại. Qua mỗi nền văn hóa ấy đều cho phép dựng lại, tái hiện lại chân dung sống động của những thời kỳ lịch sử đã đi qua.

2. Tương đồng về giá trị nhân bản của các nền văn hóa

- Văn hóa, dù là văn hóa phương Đông hay phương Tây đều mang một bản chất chung, đó là đều hướng tới các giá trị nhân văn, nhân đạo.
- Sự tương đồng về giá trị nhân bản của các nền văn hóa có cơ sở khách quan từ bản chất tự nhiên và xã hội của con người và từ phương thức tồn tại, phát triển của chính con người.

3. Tương đồng về tiến trình lịch sử, tính thời đại được phản ánh trong văn hóa

Mỗi dân tộc trong sự tồn tại và phát triển của mình không thể tách rời với tiến trình lịch sử và với thời đại mà mình đang sống. Trong cùng một thời điểm, từng dân tộc có thể có sự chênh lệch, thậm chí chênh lệch lớn về trình độ phát triển, do đó có

sự khác biệt về điều kiện kinh tế - xã hội và tất yếu cũng dẫn đến những khác biệt về văn hóa. Tuy nhiên, dù khác nhau về trình độ phát triển, mỗi dân tộc đều không thể cô lập, đứng ngoài, tách khỏi mối quan hệ với các dân tộc khác và với xu thế chung của thời đại. Sự tiếp xúc, giao lưu giữa các dân tộc là một hiện tượng khách quan tất yếu, trong đó diễn ra cả giao lưu về kinh tế và văn hóa. Dù có nhiều điểm khác biệt, văn hóa của một dân tộc bao giờ cũng là một bộ phận của cộng đồng văn hóa nhân loại, thể hiện trong bản thân nó mối quan hệ mang tính bản chất giữa các yếu tố nội sinh với các yếu tố ngoại sinh. Trong mỗi nền văn hóa đều có thể tìm thấy những điểm chung rất lớn mang tính thời đại như phương thức tư duy, trình độ ứng dụng khoa học, công nghệ...

4. Nguyên nhân của sự tương đồng

Sự tương đồng của nền văn hóa phương Đông và phương Tây có nguyên nhân sâu xa từ trong bản chất nhân văn của văn hóa, từ sự chi phối, quyết định của cơ sở kinh tế - xã hội trong mỗi thời kỳ lịch sử và đặc biệt là từ sự tiếp xúc, giao lưu văn hóa giữa các dân tộc.

Hay những vấn đề chung trong văn hóa của các quốc gia, dân tộc phương Đông và phương Tây biểu hiện thành các giá trị chung mà các dân tộc đều chấp nhận, hướng tới trong thời đại ngày nay như các giá trị chân – thiện – mỹ, hòa bình, tự do, bình đẳng, sự khoan dung, tinh thần hợp tác thân thiện, tạo điều kiện cho nhau cùng phát triển.

II. SỰ KHÁC BIỆT GIỮA HAI NỀN VĂN HÓA PHƯƠNG ĐÔNG VÀ PHƯƠNG TÂY

1. Quan niệm về sự đối lập Đông – Tây trong lịch sử

Một thời kỳ lịch sử khá dài, trong nhiều thế kỷ trước từng tồn tại phổ biến quan niệm cho rằng Đông – Tây là hoàn toàn đối lập, khác biệt. Có những nhà nghiên cứu phương Tây khi nhận định về văn hóa phương Đông đã tuyên bố một cách cực đoan rằng: “Đông là Đông, Tây là Tây, hai bên không bao giờ gặp nhau”.

Quan niệm cực đoan đó là hoàn toàn sai lầm, xa rời với cội nguồn lịch sử. Từ xa xưa, các triết gia Hy Lạp – La mã cổ đại đã từng thốt lên đầy thán phục khi chiêm ngưỡng những thành tựu rực rỡ và đầy bí ẩn của văn hóa phương Đông rằng: “Hãy để

cho tôi được hướng về phương Đông thâm trầm trong giây lát”. Phương Đông từng là cái nôi sớm nhất của nền văn minh nhân loại, từng có những ảnh hưởng rất tích cực, sâu sắc trên nhiều diện đối với nền văn hóa phương Tây. Qua nhiều thế kỷ, do những nguyên nhân sâu xa về kinh tế, chính trị, xã hội và những diễn biến của các thời đại đã tạo ra nhiều sự cách biệt giữa văn hóa phương Đông và phương Tây. Nhưng thời đại ngày nay đang chứng minh trở lại một cách hùng hồn rằng không hề và không thể có sự tồn tại biệt lập giữa văn hóa phương Đông và phương Tây. Các nền văn hóa đều tồn tại trong mối quan hệ thống nhất và đa dạng, tác động, ảnh hưởng, chi phối lẫn nhau theo những quy luật tất yếu khách quan trong quá trình phát triển.

2. Biểu hiện của sự khác biệt giữa văn hóa phương Đông và phương Tây

Khái niệm phương Đông là cách gọi của phương Tây đối với thế giới ngoài châu Âu. Do đó bản thân khái niệm phương Tây đã mang lại nội dung ý nghĩa cục bộ (chỉ các nước châu Âu), còn khái niệm phương Đông có nội dung ý nghĩa rộng lớn hơn. Vì cùng là các nước châu Âu có nhiều điểm tương đồng cơ bản về môi trường tự nhiên, cách thức sản xuất, cách thức sinh hoạt vật chất và tinh thần, cách thức tổ chức đời sống cá nhân và cộng đồng... trong suốt quá trình lịch sử, cho nên văn hóa phương Tây khá đồng nhất. Còn phương Đông, với những vùng đất đai rộng lớn, đa dạng về môi trường sinh thái tự nhiên và xã hội, đa dạng về đặc điểm dân cư, nên tính khu biệt của các nền văn hóa vì thế cũng trở nên phong phú, đa dạng hơn. Phương Đông có nhiều nền văn hóa rất khác nhau. Do vậy khó có thể tìm thấy sự thống nhất, tương đồng chung giữa văn hóa của bản thân các nước phương Đông ở trong từng chi tiết, ở từng khía cạnh, từng yếu tố của văn hóa và do đó cũng thật khó để xác định sự khác biệt Đông – Tây ở trong từng phương diện tồn tại cụ thể của văn hóa. Trong sự so sánh Đông – Tây, chúng ta chỉ có thể nêu lên một số nét đại thể để khu biệt.

- Khác biệt về con người và quan niệm về con người

+ Con người trong các xã hội phương Đông mang nét đặc trưng chung nổi bật là con người của cộng đồng, con người của mọi cấp độ cộng đồng. Người phương Đông đặc biệt đề cao các giá trị cộng đồng. Các giá trị cộng đồng là nội dung bao trùm và quan trọng nhất trong nhân cách và cũng là nền tảng của nhân cách.

+ Văn hóa phương Đông thường nhìn nhận, lý giải con người như một vũ trụ thu nhỏ, con người như là một bộ phận của tự nhiên. Quan niệm con người – “nhân sinh tiểu vũ trụ” là quan niệm phổ biến trong tư tưởng văn hóa phương Đông cổ đại và trong triết lý nhân sinh của nhiều dân tộc phương Đông qua nhiều thế kỷ.

Văn hóa phương Tây lại nhìn con người như là trung tâm của vũ trụ. Các triết gia cổ đại phương Tây coi con người như là “thước đo của vũ trụ”, là “kích tắc của muôn loài”, con người là “chúa tể của tự nhiên”. Trong các hệ thống tư tưởng văn hóa phương Tây, con người thường được xem xét ở tư cách là chủ thể, đối lập với tự nhiên.

- *Khác biệt về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên*

Trong quan hệ con người với tự nhiên, văn hóa phương Đông nhấn mạnh sự hài hòa, thích nghi còn văn hóa phương Tây nhấn mạnh sự đối lập, chinh phục. Triết lý sống phổ biến của người phương Đông là thuận theo tự nhiên, hài hòa với thiên nhiên, còn triết lý sống phổ biến của người phương Tây là tìm hiểu, khám phá, chinh phục tự nhiên.

- *Khác biệt về mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội*

Hầu như các giá trị văn hóa phương Đông được hình thành và phát triển trên nguyên tắc “cộng đồng luận”, còn phương Tây theo nguyên tắc “cá nhân luận”. Các giá trị ưu trội trong văn hóa phương Đông cũng như đi vào chi tiết cách thức sinh hoạt, hoạt động văn hóa phương Đông đều thể hiện khá rõ đời sống cộng đồng và cách thức tổ chức, xây dựng cộng đồng. Còn các giá trị văn hóa phương Tây nghiêng nhiều về giá trị của cá nhân và phương thức tồn tại, phát triển của cá nhân như trí tuệ, tư tưởng, đạo đức, thẩm mỹ, đặc điểm nhân cách, thị hiếu, lối sống tính cách của con người... Điều này làm cho các nước phương Đông có nhiều thuận lợi trong xây dựng củng cố cộng đồng và phát huy ưu thế của sức mạnh cộng đồng nhưng lại có hạn chế là kém phát huy vai trò của cá nhân. Còn phương Tây quan tâm nhiều đến vấn đề giải phóng cá nhân, nhưng các mối quan hệ cá nhân – cộng đồng bị lỏng lẻo, con người trở nên cô đơn. Trạng thái cô đơn của con người là trạng thái thường trực, gắn với tư tưởng “phi duy lý” trong cảm nhận cuộc sống của người phương Tây hiện đại.

- *Khác biệt về tư duy*

Tư duy của người phương Đông theo hướng tổng hợp, coi trọng quan hệ, xem nhẹ quan hệ, thể hiện rõ tính siêu hình, định lượng. Người phương Đông cổ đại xem xét tự nhiên, xã hội, con người với cái nhìn chiêm nghiệm, tổng hợp, còn người phương Tây lại có xu hướng mổ xẻ, phân tích. Nhà triết học cổ đại phương Đông (Tuân Tử) cảm hoài rằng: “Nước cứ chảy mãi thế này ư?” chỉ cảm nhận rằng nước luôn chảy mà không cần đặt câu hỏi “vì sao nước lại chảy?” hoặc “thực chất nước

chảy như thế nào?”. Còn với triết gia phương Tây (Hê-ra-cơ-lít) thì phân tích rõ: “Không ai tắm hai lần trên một dòng sông”, thậm chí “Không ai có thể tắm trên cùng một dòng sông dù chỉ một lần”.

- *Khác biệt về tâm thức*

Người phương Đông theo hướng duy linh, xem trọng đời sống tâm linh nặng nghĩa, nặng tình, ít lý lẽ... còn người phương Tây xem trọng đời sống xã hội, sắc sảo về lý lẽ, nhưng ít đào sâu vào thế giới tâm linh, nhẹ tình...

- *Khác biệt về lối sống và triết lý sống*

Người phương Đông có xu hướng coi trọng đời sống tinh thần, ít thực dụng, nghèo. Còn người phương Tây lại có xu hướng coi trọng vật chất, tư duy kinh tế, tính toán, sống thực dụng, giàu có. Người phương Đông xưa thường coi trọng cái “đạo”, “an bản lạc đạo”, “sớm nghe đạo tôi chết cũng cam”...

- *Khác biệt về cách thức tổ chức đời sống xã hội và phát triển xã hội*

Cách tổ chức đời sống xã hội của nhiều nước phương Đông dựa trên nguyên tắc chủ yếu là mối quan hệ hài hòa giữa con người – xã hội – tự nhiên và sự cố kết cộng đồng. Vì thế văn hóa phương Đông thể hiện đậm nét tính vùng miền (gắn với những vùng sinh thái tự nhiên đa dạng khác nhau trên những vùng khác nhau của lãnh thổ) và sự gắn bó tự nguyện theo tình cảm, huyết thống, tín ngưỡng, phong tục tập quán. Ví dụ mô hình nhà – làng – nước trong văn hóa Việt Nam. Trong khi tổ chức đời sống xã hội ở nhiều nước phương Tây chủ yếu dựa trên cách thức tổ chức hoạt động lao động sản xuất xã hội. Mỗi khi cách thức sản xuất xã hội thay đổi thì cũng làm thay đổi căn bản tổ chức đời sống xã hội (ví dụ sự chuyển từ xã hội kiểu chiếm hữu nô lệ sang phong kiến, tư bản...)

3. Lý do của sự đối lập

- Sự khác biệt về tự nhiên, xã hội, lịch sử
- Sự khác biệt về phương thức sản xuất (phương thức sản xuất châu Á với những đặc trưng riêng của nó khác phương thức sản xuất phương Tây).
- Chủ yếu là do đối lập về lợi ích do sự tiếp xúc bất bình đẳng giữa chủ nghĩa thực dân phương Tây và chủ nghĩa dân tộc phương Đông trong lịch sử.

Chương 8

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM

I. PHÂN CHIA CÁC THỜI KỲ VĂN HÓA TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, thì việc phân chia các thời kỳ lịch sử thường dựa vào sự thay đổi của các hình thái kinh tế - xã hội và các cuộc cách mạng xã hội được xem là những cột mốc để phân kỳ.

Văn hóa là một lĩnh vực tương đối độc lập, nền tảng của văn hóa là hệ giá trị và chuẩn mực xã hội. Như vậy, lịch sử văn hóa chính là lịch sử chuyển đổi của các mô hình văn hóa, biểu hiện tập trung ở hệ giá trị và chuẩn mực xã hội, trong đó giá trị chính trị đóng vai trò chủ chốt trong định hướng và điều tiết sự phát triển xã hội.

Nghiên cứu về sự vận động trong lịch sử truyền thống của dân tộc, chúng ta thấy một trong những động lực chủ yếu thúc đẩy sự phát triển lịch sử xã hội nước ta là tinh thần đoàn kết chống giặc ngoại xâm và phòng chống thiên tai, vì thế giá trị cao nhất của văn hóa Việt Nam không thể hiện ra ở những công trình vật thể hoành tráng, mà chủ yếu là ở các giá trị tinh thần, trong đó tinh thần yêu nước và xả thân vì đại nghĩa, luôn luôn được coi là giá trị chủ đạo. Như vậy, việc phân chia các thời kỳ trong lịch sử văn hóa nước ta phải căn cứ vào những cột mốc chính trị quan trọng mà xác định. Phù hợp với luận điểm trên, lịch sử văn hóa Việt Nam có thể chia làm 5 thời kỳ như sau:

- Văn hóa thời kỳ Văn lang – Âu Lạc (thời kỳ các vua Hùng, vua Thục dựng nước).
- Văn hóa thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc
- Văn hóa thời kỳ Đại Việt
- Văn hóa thời kỳ Pháp thuộc và chống Pháp thuộc
- Văn hóa thời kỳ Việt Nam xã hội chủ nghĩa

II. NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HÓA VÀ SỰ HÌNH THÀNH CÁC GIÁ TRỊ TINH THẦN QUA CÁC THỜI KỲ PHÁT TRIỂN CỦA LỊCH SỬ VĂN HÓA VIỆT NAM

1. Những thành tựu văn hóa và sự hình thành các giá trị tinh thần ở thời kỳ Văn Lang – Âu Lạc

Thời kỳ Văn Lang – Âu Lạc được gọi là thời kỳ của các vua Hùng, vua Thục dựng nước. Căn cứ vào kết quả nghiên cứu của giới sử học thì ở nước ta đã tồn tại một thời kỳ sơ sử (prohistoire); chứng cứ vật chất về thời kỳ này chính là nền văn hóa Đông Sơn, mà những di chỉ của nó phân bố đậm đặc tại các lưu vực sông Hồng, sông Mã, sông Lam (tức Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ Việt Nam), gần như trùng lặp với địa bàn hai quận Giao Chỉ và Cửu Chân thời Hán, cũng tức là lãnh thổ nước Âu Lạc thời An Dương Vương đã thừa kế địa vực nước Văn Lang thời đại các vua Hùng.

1.1. *Sinh hoạt kinh tế*

- Nông nghiệp

Khảo cổ học thời đại Đông Sơn đã thu thập được hàng trăm lưỡi cày đồng, cuốc, mai, liềm đồng để thu hoạch lúa. Ngoài ra, trên mặt một số trống Đông Sơn có khắc hình trâu, bò, cho phép có thể nhận định: Người Lạc Việt (tức người Việt cổ) thời Văn Lang đã biết sử dụng sức kéo của động vật trong canh tác nông nghiệp. Đó là nền nông nghiệp dùng cày phát triển.

- Thủ công và thương nghiệp

Dựa vào những hình khắc trên trống đồng, người ta nhận thấy có ba nghề thủ công chính của thời kỳ này là: làm gốm, đúc đồng và làm mộc (đóng thuyền, dựng nhà), ngoài ra cư dân còn biết dệt vải, nấu rượu. Đúc đồng là nghề quan trọng nhất, liên quan đến hàng loạt công nghệ khác như: khai mỏ, luyện kim, kỹ thuật đúc. Kỹ thuật luyện kim đồng xuất hiện có ý nghĩa quan trọng như một cuộc cách mạng trong sản xuất, nó tác động sâu sắc đến toàn bộ nền kinh tế, thúc đẩy các hình thức trao đổi sản phẩm, tức “thương nghiệp nguyên thủy” ra đời. Thư tịch cổ Trung Hoa cho biết: người phương Nam thời xưa dùng vỏ ốc là tiền, người Man có thể đổi 100 con bò mộng lấy 1 trống đồng. Đây là những gợi ý thú vị.

Tóm lại, cư dân Văn Lang đã đạt tới một nền sản xuất nông nghiệp canh tác bằng trâu cày, lấy việc trồng lúa nước làm chủ đạo. Nghề nông khởi sắc đã kéo theo sự phát triển các nghề thủ công, buôn bán, khiến cho nền sản xuất xã hội trở nên phong phú. Cùng với quá trình phát triển kinh tế là sự di chuyển dân cư từ

vùng đồi núi tiến về vùng trung du, rồi lan ra chiếm lĩnh các vùng đồng bằng thuộc lưu vực các con sông Hồng, sông Mã và sông Lam, tạo nên cảnh quan làng mạc của nền văn minh nông nghiệp.

1.2. Sinh hoạt văn hóa tinh thần

- Tín ngưỡng, tôn giáo

Thời Hùng Vương có ba hình thái tín ngưỡng chính là:

Tín ngưỡng vật linh (animisme) xuất hiện từ trong công xã thị tộc, nay vẫn tồn tại. Đó là việc tôn thờ những động vật thiêng như: hổ, báo, hươu, nai, trâu, bò, cóc, nhất là rồng (cá sấu) và chim nước đã đi vào huyền thoại. Sự tôn thờ trên đây là biểu thị mối dây đồng cảm và tìm sự che chở ở những động vật liên quan mật thiết đến cuộc sống của cư dân thời ấy.

Sùng bái các lực lượng tự nhiên: bước vào xã hội nông nghiệp, mối bận tâm nhất của con người là thời tiết, thường đồng nghĩa với tự nhiên. Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên ra đời là vì thế. Biểu thị của tín ngưỡng này là việc tôn thờ mặt trời, thờ sông, núi, tín ngưỡng phồn thực cùng với các nghi lễ cầu mong được mùa, giống nòi sinh sôi nảy nở.

Thờ nhân thần: Thời kỳ cực thịnh của văn hóa Đông Sơn cũng là thời kỳ giao tranh quyết liệt giữa các bộ lạc tạo điều kiện cho nhà nước ra đời. Đây cũng là lúc người ta suy tôn những vị thủ lĩnh, những nhân thần có công dựng nước và giữ nước. Những hình người được khắc trên cán dao găm thuộc nền văn hóa Đông Sơn có lẽ được làm ra theo mục đích này. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên ở nước ta bắt đầu từ đó.

- Trang sức, nghệ thuật

Trang sức: Quan sát những hình người trên trống Đông Sơn ta thấy nam giới thì đóng khố, nữ giới mặc váy. Vào ngày hội, trang phục khá lộng lẫy, cả nam và nữ đều mặc những bộ áo liền váy, có vạt tỏa ra hai bên. Quần áo làm bằng vải, bằng lông vũ hoặc kết bằng lá cây. Trên đầu có mũ lông chim hoặc cắm thêm lông chim cho đẹp. Hầu hết đồ trang sức làm bằng đá màu xanh hoặc bằng đồng. Ngoài ra, ăn trầu, nhuộm răng đen, xăm mình, búi tóc là những nét phong tục phổ biến.

Nghệ thuật: Nghệ thuật thời Đông Sơn biểu hiện tập trung trên trống đồng thể hiện quan niệm thẩm mỹ của người Việt cổ, phản ánh trình độ nhận thức của cư dân về mối quan hệ của họ với thế giới xung quanh. Có những thể loại nghệ

thuật như: âm nhạc (đánh trống đồng, thổi kèn), nhảy múa, tạc tượng nhưng tiêu biểu nhất là nghệ thuật chạm khắc trên trống đồng.

1.3. Tổ chức đời sống xã hội

- Hôn nhân và gia đình
- Công xã nông thôn
- Phân hóa xã hội
- Sự ra đời của hình thái nhà nước sơ kỳ

1.4. Các giá trị tinh thần của cư dân Lạc Việt thời kỳ Văn Lang – Âu Lạc

Người Văn Lang chưa có chữ viết. Khi tìm hiểu tư tưởng người Việt cổ, các nhà sử học nước ta đã dựa vào huyền thoại. Sách Lĩnh Nam chích quái tập hợp giới thiệu 22 truyện, trong đó có 4 truyện tiêu biểu liên quan đến thời kỳ này:

- Truyện họ Hồng Bàng nói về nguồn gốc dân tộc
- Truyện Thánh Gióng đánh giặc Ân
- Truyện thần núi Tản Viên nói về tinh thần chống lụt
- Truyện Rùa Vàng giúp An Dương Vương xây thành Cổ Loa

2. Một số thành tựu văn hóa và các giá trị tinh thần trong thời kỳ Bắc thuộc – chống Bắc thuộc

2.1. Chính sách cai trị của các đế chế phương Bắc

Sau khi chiếm được nước ta, người Hán đã tiến hành một số việc như:

- Phân chia lại khu vực hành chính nhằm bãi bỏ chế độ bộ lạc, áp đặt chế độ quận huyện
- Di dân khẩn thực là việc làm nhằm thay đổi cơ cấu dân cư, theo hướng tăng tỷ lệ người nhập cư, tạo ra cơ sở xã hội mới, làm chỗ dựa cho chính quyền thống trị.
- Phá hủy di tích văn hóa cũng là một mục tiêu của đội quân xâm lược phương Bắc
- Hoán cải phong tục cũ, áp đặt lối sống mới đồng thời tổ chức truyền bá văn hóa của kẻ chiến thắng để thu phục nhân tâm, thực hiện giáo hóa dân chúng quy thuận về Tân Triều... là những công việc tự nhiên của thế lực thống trị sau khi chiếm được đất mới.

2.2. Cuộc đấu tranh bền bỉ, kiên cường của nhân dân ta chống chính sách đồng hóa của ngoại bang

Do chính sách cai trị tàn bạo và đồng hóa quyết liệt của các đế chế phương Bắc, nhân dân ta đã biểu thị phản kháng bằng cách liên tục nổi dậy chống chính quyền đô hộ, giành lại quyền tự trị cho đất nước. Đã có trên 30 cuộc khởi nghĩa, tiêu biểu nhất là khởi nghĩa Hai Bà Trưng, khởi nghĩa Bà Triệu, khởi nghĩa Lý Bí, Khởi nghĩa của Triệu Quang Phục, Lý Phật Tử, khởi nghĩa Phùng Hưng, khởi nghĩa Ngô Quyền.

2.3. *Các giá trị tinh thần của thời kỳ Bắc thuộc – chống Bắc thuộc*

Giá trị tinh thần cao nhất của thời kỳ này vẫn là tinh thần yêu nước được nâng lên thành ý thức về chủ quyền dân tộc. Ở thời đại Hùng Vương tinh thần yêu nước còn đang ở dạng hình thành của thời kỳ dựng nước, thì giờ đây tinh thần ấy phải đo sức với nền đô hộ tàn bạo của các đế chế phương Bắc, phải chọi lại sức mạnh hủy diệt của các đoàn quân viễn chinh thiện chiến của họ.

Một giá trị khác phải kể đến là giá trị về tôn giáo. Thời Bắc thuộc, người Việt học chữ Nho nhưng ít theo đạo Nho, họ chuộng đạo Phật và đạo Giáo hơn.

3. Những thành tựu văn hóa và các giá trị tinh thần thời kỳ Đại Việt (938 – 1884)

a. Về các triều đại trong lịch sử

b. Nhận định chung về văn hóa thời kỳ Đại Việt

Từ giữa thế kỷ X đến giữa thế kỷ XI, các vương triều liên tục thay thế nhau xây dựng quốc gia tự chủ. Sự thay thế này không làm gián đoạn, mà lịch sử cứ diễn ra như một dòng chảy liên tục. Đất nước được mở rộng về phía Nam, tính đến giữa thế kỷ XVIII, việc khai phá vùng Nam bộ cơ bản hoàn thành. Sau năm 1802 trở đi, đất nước ta có một lãnh thổ thống nhất từ Lạng Sơn đến mũi Cà Mau. Nhân dân Đại Việt liên tục chống giặc ngoại xâm cũng là nét nổi bật trong thời kỳ tự chủ.

c. Các giá trị tinh thần thời kỳ Đại Việt

Tư tưởng yêu nước của người Việt cổ đã được sinh thành từ thời Văn Lang, qua thời Bắc thuộc nó được củng cố thêm một bước và nâng lên thành tinh thần hy sinh chiến đấu, quyết tâm giành lại chủ quyền dân tộc. Đến thời kỳ này tư tưởng yêu nước ấy chẳng những được duy trì vững chắc mà còn phát triển thành hệ tư tưởng yêu nước truyền thống Đại Việt.

4. Những thành tựu văn hóa và các giá trị tinh thần của thời kỳ Pháp thuộc – chống Pháp thuộc (1884 – 1945)

a. Một số sự kiện chính của thời kỳ này

Thời kỳ này diễn ra từ giữa thế kỷ XIX đến khoảng giữa thế kỷ XX, kéo dài ngót một thế kỷ. Xét về phương diện văn hóa, nội dung cơ bản của thời kỳ này là sự giao lưu văn hóa theo hướng Việt hóa những yếu tố tích cực của văn hóa phương Tây, để từng bước vươn lên hội nhập với thời đại.

b. Những biến đổi về văn hóa

- Về văn hóa vật chất
- Về văn hóa tinh thần
- Về giáo dục và khoa học
- Về báo chí và văn chương báo chí
- Về phong trào văn hóa mới của các nhà Nho cải cách
- Sự chuyển biến về hệ tư tưởng

c. Các giá trị tinh thần của thời kỳ Pháp thuộc – chống Pháp thuộc

Có thể nói rằng, cốt lõi tinh thần của thời kỳ này là hệ tư tưởng yêu nước cận đại, phát triển trên cơ sở kế thừa những giá trị cao đẹp của hệ tư tưởng yêu nước kỷ nguyên Đại Việt.

Trong thời kỳ quân chủ phong kiến, yêu nước gắn liền với yêu vua, chữ trung quân đứng đầu mọi cương thường trong xã hội, tinh thần yêu nước lúc này không tránh khỏi sự hạn chế.

Trong hệ tư tưởng yêu nước thời cận đại ở nước ta vào những thập niên đầu thế kỷ XX thì tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc – lãnh tụ của Đảng Cộng sản Việt Nam có vai trò đặc biệt quan trọng.

Tóm lại, hệ tư tưởng yêu nước thể hiện ở tinh thần hiến thân vì đại nghĩa, ở ý chí quyết tâm giành và giữ chủ quyền dân tộc là giá trị tinh thần cao nhất đã đi suốt chiều dài lịch sử dân tộc, được Chủ tịch Hồ Chí Minh khái quát thành lý tưởng “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Bên cạnh đó, lòng nhân ái và tình cảm cộng đồng sâu sắc là hạt giống trong vườn đạo đức Việt Nam, thể hiện ở triết lý “thương người như thể thương thân”. Tình thương ấy là cơ sở xây dựng nên ý chí kiên cường, bất khuất trước quân xâm lược. Anh hùng và nhân ái là hai mặt của phẩm chất tinh thần Việt Nam, làm trụ cột cho bảng giá trị tinh thần Việt Nam.

LỜI GIỚI THIỆU	3
GIÁO TRÌNH MÔN HỌC	4
Tên môn học: Văn hóa học.....	4
Mã môn học:	4
Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của môn học.....	4
Nội dung môn học	5
Chương I.....	5
VĂN HÓA HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI	5
I. Văn hóa học và đối tượng nghiên cứu của văn hóa học	5
1. Sơ lược quá trình hình thành, phát triển của văn hóa học.....	5
2. Đối tượng nghiên cứu của văn hóa học.....	5
II. Phương pháp nghiên cứu của văn hóa học	6
1. <i>Phương pháp liên ngành</i>	6
2. <i>Phương pháp hệ thống</i>	6
3. <i>Phương pháp mô hình</i>	6
4. <i>Phương pháp logic - lịch sử</i>	6
III. Vai trò của văn hóa học trong đời sống xã hội	7
1. <i>Chức năng nhận thức</i>	7
2. <i>Chức năng giáo dục</i>	7
Chương 2.....	8
BẢN CHẤT VÀ CẤU TRÚC CỦA VĂN HÓA	8
I. BẢN CHẤT CỦA VĂN HÓA	8
1. Quá trình xác định khái niệm văn hóa	8
2. Bản chất của văn hóa	12
II. CẤU TRÚC CỦA VĂN HÓA	16
1. Theo hình thái giá trị.....	16
2. Theo các lĩnh vực của đời sống xã hội (Các lĩnh vực hoạt động và quan hệ xã hội)	17
3. Theo các mối quan hệ cá nhân – xã hội và hình thức tổ chức đời sống cá nhân và cộng đồng	18
4. Theo tiến trình lịch sử và quan hệ dân tộc thời đại.....	18
Chương 3.....	19
ĐẶC TRƯNG VÀ CHỨC NĂNG CỦA VĂN HÓA	19
I. Đặc trưng của văn hóa.....	19
1. Tính hệ thống:.....	19
2. Tính giá trị:	19
II. Chức năng của văn hóa	20

Chương 4.....	22
CÁC QUY LUẬT PHÁT TRIỂN CỦA VĂN HÓA.....	22
I. Sự phát triển của văn hóa chịu sự quy định của điều kiện kinh tế - xã hội	22
1. Sự quyết định của kinh tế đối với văn hóa.....	22
2. Ảnh hưởng của chính trị tới văn hóa.....	24
II. Quy luật kế thừa trong phát triển văn hóa.....	24
1. Kế thừa, đổi mới – quy luật tất yếu của phát triển văn hóa	24
2. Cách thức của sự kế thừa trong văn hóa	25
3. Kế thừa trong văn hóa luôn đi liền với sáng tạo và đổi mới.....	25
III. Quy luật tiếp xúc – giao lưu trong phát triển văn hóa	26
1. Thực chất của sự tiếp xúc và giao lưu văn hóa.....	26
2. Tiếp xúc, giao lưu văn hóa là một quy luật khách quan, phổ biến trong sự phát triển của các nền văn hóa	26
Chương 5.....	26
VẤN ĐỀ BẢN SẮC VĂN HÓA VÀ BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC	26
I. VẤN ĐỀ BẢN SẮC VĂN HÓA VÀ BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC	26
1. Thực chất của vấn đề bản sắc văn hóa và bản sắc văn hóa dân tộc	26
2. Những lĩnh vực biểu hiện của bản sắc dân tộc trong văn hóa.....	27
3. Ý nghĩa của yếu tố bản sắc trong một nền văn hóa.....	28
II. NHẬN DIỆN YẾU TỐ BẢN SẮC DÂN TỘC TRONG VĂN HÓA VIỆT NAM.....	29
1. Một nền văn hóa thể hiện đậm nét tinh thần độc lập tự cường và truyền thống yêu nước, bất khuất chống ngoại xâm	29
2. Một nền văn hóa thể hiện truyền thống nhân ái và tinh thần nhân đạo, chủ nghĩa xuyên suốt quá trình hình thành và phát triển	29
3. Một nền văn hóa luôn lấy sự khoan dung và hòa đồng làm cơ sở để xem xét những hiện tượng tự nhiên, xã hội, con người và đề ra các giải pháp sáng tạo văn hóa.....	29
4. Một nền văn hóa giàu tính nhân dân, tính cộng đồng	30
5. Một nền văn hóa “mở” trong không gian, trong thời gian và biến đổi theo quá trình lịch sử - xã hội.....	31
III. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG TA VỀ XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM TIỀN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC.....	31
Chương 6.....	33
VẤN ĐỀ VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN	33
I. Khái niệm “văn hóa”	33
1. Các nguyên tắc tổ chức nông thôn	33
2. Khái niệm “phát triển”	33
II. MỐI QUAN HỆ GIỮA VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN.....	34
1. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội (văn hóa là cơ sở tinh thần cho phát triển xã hội)	34

2. Văn hóa là động lực và mục tiêu của phát triển xã hội.....	34
III. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG TA VỀ VẤN ĐỀ VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN	35
Chương 7.....	36
PHƯƠNG ĐÔNG VÀ PHƯƠNG TÂY TƯƠNG ĐỒNG VÀ KHÁC BIỆT	36
I. SỰ TƯƠNG ĐỒNG GIỮA HAI NỀN VĂN HÓA PHƯƠNG ĐÔNG VÀ PHƯƠNG TÂY.....	36
1. Tương đồng về bản chất xã hội.....	36
2. Tương đồng về giá trị nhân bản của các nền văn hóa	36
3. Tương đồng về tiến trình lịch sử, tính thời đại được phản ánh trong văn hóa.....	36
4. Nguyên nhân của sự tương đồng.....	37
II. SỰ KHÁC BIỆT GIỮA HAI NỀN VĂN HÓA PHƯƠNG ĐÔNG VÀ PHƯƠNG TÂY ...	37
<u>1.</u> Quan niệm về sự đối lập Đông – Tây trong lịch sử	37
2. Biểu hiện của sự khác biệt giữa văn hóa phương Đông và phương Tây	38
40	
Chương 8.....	41
MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ VĂN HÓA VIỆT NAM.....	41
I. PHÂN CHIA CÁC THỜI KỲ VĂN HÓA TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM.....	41
II. NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HÓA VÀ SỰ HÌNH THÀNH CÁC GIÁ TRỊ TINH THẦN QUA CÁC THỜI KỲ PHÁT TRIỂN CỦA LỊCH SỬ VĂN HÓA VIỆT NAM	41
1. Những thành tựu văn hóa và sự hình thành các giá trị tinh thần ở thời kỳ Văn Lang – Âu Lạc	42
2. Một số thành tựu văn hóa và các giá trị tinh thần trong thời kỳ Bắc thuộc – chống Bắc thuộc	44
3. Những thành tựu văn hóa và các giá trị tinh thần thời kỳ Đại Việt (938 – 1884)	45
4. Những thành tựu văn hóa và các giá trị tinh thần của thời kỳ Pháp thuộc – chống Pháp thuộc (1884 – 1945)	45

